

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 10/2013/QĐ-UBND

Cao Bằng, ngày 10 tháng 7 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định chế độ thông tin, báo cáo thống kê tổng hợp
về xây dựng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định 12/2009/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 114/2010/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ về bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 64/2012/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2012 của Chính phủ về cấp giấy phép xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng;

Căn cứ Chi thị số 27/2007/CT-TTg ngày 29 tháng 11 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về chấn chỉnh việc thực hiện chế độ thông tin, báo cáo trong hoạt động của các cơ quan hành chính Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 43/2010/QĐ-TTg ngày 02 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ ban hành hệ thống chi tiêu thống kê Quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 12/2009/TT-BXD ngày 24 tháng 6 năm 2009 của Bộ Xây dựng hướng dẫn chi tiết về cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 03/2011/TT-BXD ngày 06 tháng 4 năm 2011 của Bộ Xây dựng hướng dẫn hoạt động kiểm định, giám định và chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực, chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 06/2011/TT-BXD ngày 21 tháng 6 năm 2011 của Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số Điều quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực xây dựng; kiến trúc, quy hoạch xây dựng thực thi Nghị quyết số 55/NQ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ về việc đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 01/2012/TT-BXD ngày 08 tháng 5 năm 2012 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về thủ tục cấp giấy phép thầu và quản lý nhà thầu nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 05/2012/TT-BXD ngày 10 tháng 10 năm 2012 của Bộ Xây dựng ban hành Hệ thống chi tiêu thống kê ngành xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 06/2012/TT-BXD ngày 10 tháng 10 năm 2012 của Bộ Xây dựng quy định chế độ báo cáo thống kê tổng hợp ngành xây dựng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 790/TTr-SXD ngày 25 tháng 6 năm 2013.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chế độ thông tin, báo cáo thống kê tổng hợp về xây dựng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hoàng Anh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

**Chế độ thông tin, báo cáo thống kê tổng hợp về xây dựng
trên địa bàn tỉnh Cao Bằng**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 10/2013/QĐ-UBND
ngày 10 tháng 7 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định này quy định về chế độ thông tin, báo cáo các chỉ tiêu thống kê quốc gia ngành xây dựng và tình hình hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

2. Đối tượng áp dụng: Áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm cung cấp thông tin, số liệu cho các cơ quan quản lý Nhà nước về xây dựng để tổng hợp và báo cáo theo phân cấp.

Quy định này không áp dụng đối với thông tin thuộc danh mục bí mật Nhà nước.

Điều 2. Nguyên tắc thông tin, báo cáo

1. Cung cấp chính xác, đầy đủ các nội dung quy định trong biểu mẫu.
2. Kiểm tra, rà soát số liệu đảm bảo tính thống nhất.
3. Báo cáo, cung cấp số liệu đúng thời gian quy định.
4. Đảm bảo tính liên tục.

Chương II CHẾ ĐỘ THÔNG TIN, BÁO CÁO

Điều 3. Các biểu mẫu báo cáo

1. Các biểu mẫu báo cáo để thu thập các chỉ tiêu thống kê Quốc gia thuộc lĩnh vực ngành xây dựng áp dụng trên địa bàn tỉnh được nêu tại Phụ lục I (gồm 18 biểu mẫu) ban hành theo Quyết định này. Phần thuyết minh giải thích các thông tin có liên quan đến thông tin thống kê trong phần mẫu báo cáo được nêu tại Phụ lục II ban hành theo Thông tư số 06/2012/TT-BXD ngày 10 tháng 10 năm 2012 của Bộ Xây dựng Quy định chế độ báo cáo thống kê tổng hợp ngành xây dựng.

2. Các biểu mẫu báo cáo về tình hình hoạt động xây dựng áp dụng trên địa bàn tỉnh được nêu tại Phụ lục II (gồm 12 biểu mẫu) ban hành theo Quyết định này.

Điều 4. Chế độ báo cáo các chỉ tiêu thống kê Quốc gia thuộc lĩnh vực ngành xây dựng

Chế độ báo cáo thực hiện định kỳ tháng, quý, 6 tháng, năm hoặc báo cáo đột xuất theo quy định chi tiết từng biểu mẫu nêu tại Phụ lục I.

Cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng làm đầu mối chịu trách nhiệm thực hiện chế độ báo cáo gồm: Cơ quan đầu mối cấp tỉnh (Sở Xây dựng), cấp huyện (Ủy ban nhân dân huyện, thành phố), cấp xã (Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn).

1. Báo cáo định kỳ:

a) Báo cáo tháng: Sở Xây dựng báo cáo theo mẫu số 01/BCDP, gửi Bộ Xây dựng chậm nhất vào ngày 15 của tháng sau tháng báo cáo.

b) Báo cáo quý: Sở Xây dựng báo cáo theo mẫu số 01/BCDP gửi Bộ Xây dựng chậm nhất vào ngày 15 của tháng đầu quý tiếp theo của quý báo cáo.

c) Báo cáo 6 tháng:

- Sở Xây dựng báo cáo theo các mẫu tại Phụ lục I (trừ mẫu số 07/BCDP; 12/BCDP; 13a/BCDP; 13b/BCDP), gửi Bộ Xây dựng trước ngày 15/6.

- Ủy ban nhân dân huyện, thành phố báo cáo theo các mẫu số 03/BCDP; 04/BCDP; 05/BCDP; 06/BCDP; 08/BCDP; 10/BCDP; 17/BCDP, gửi Sở Xây dựng trước ngày 10/6.

- Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn báo cáo theo các mẫu số 03/BCDP; 04/BCDP, gửi Ủy ban nhân dân huyện, thành phố trước ngày 05/6.

d) Báo cáo năm:

- Sở Xây dựng báo cáo theo các mẫu tại Phụ lục I, gửi Bộ Xây dựng trước ngày 15/12 (báo cáo sơ bộ), trước ngày 15/3 năm sau năm báo cáo (báo cáo chính thức), riêng mẫu số 01/BCDP gửi trước ngày 20/01 năm sau năm báo cáo.

- Ủy ban nhân dân huyện, thành phố báo cáo theo các mẫu số 03/BCDP; 04/BCDP; 05/BCDP; 06/BCDP; 07/BCDP; 08/BCDP; 10/BCDP; 12/BCDP; 13a/BCDP; 13b/BCDP; 17/BCDP, gửi Sở Xây dựng trước ngày 10/12 (báo cáo sơ bộ), trước ngày 10/3 năm sau năm báo cáo (báo cáo chính thức).

- Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn báo cáo theo các mẫu số 03/BCDP; 04/BCDP; 12/BCDP; 13a/BCDP; 13b/BCDP, gửi Ủy ban nhân dân huyện, thành phố trước ngày 05/12 (báo cáo sơ bộ), trước ngày 05/3 năm sau năm báo cáo (báo cáo chính thức).

2. Báo cáo đột xuất: Khi cơ quan đầu mối cấp trên yêu cầu.

3. Nguồn thông tin, số liệu:

Nguồn thông tin, số liệu được thu thập từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan được nêu tại mục I, Phụ lục III ban hành theo Quy định này.

Điều 5. Chế độ báo cáo tình hình hoạt động xây dựng

Chế độ báo cáo thực hiện định kỳ 6 tháng, năm hoặc báo cáo đột xuất theo quy định chi tiết từng biểu mẫu nêu tại Phụ lục II.

Cơ quan quản lý Nhà nước về xây dựng làm đầu mối chịu trách nhiệm thực hiện chế độ báo cáo gồm: Cơ quan đầu mối cấp tỉnh (Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành), cấp huyện (Ủy ban nhân dân huyện, thành phố), cấp xã (Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn).

1. Báo cáo định kỳ:

a) Báo cáo 6 tháng:

- Sở Xây dựng báo cáo theo các mẫu số 18/BCXD; 19/BCXD gửi Bộ Xây dựng trước ngày 15/6. Tổng hợp báo cáo sơ kết 6 tháng tình hình hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh, gửi Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày 20/6.

- Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành báo cáo sơ kết 6 tháng tình hình hoạt động xây dựng công trình chuyên ngành trên địa bàn tỉnh, gửi Sở Xây dựng trước ngày 15/06.

- Ủy ban nhân dân huyện, thành phố báo cáo sơ kết 6 tháng tình hình hoạt động xây dựng trên địa bàn mình quản lý, gửi Sở Xây dựng trước ngày 15/06.

b) Báo cáo năm:

- Sở Xây dựng báo cáo theo các mẫu số 18/BCXD; 19/BCXD; 20a/BCXD ; 21a/BCXD; 23/BCXD gửi Bộ Xây dựng trước ngày 15/12. Tổng hợp báo cáo tổng kết năm tình hình hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh, gửi Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày 15/3.

- Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành báo cáo theo các mẫu số 20a/BCXD; 21a/BCXD; 23/BCXD gửi Sở Xây dựng trước ngày 10/12. Báo cáo tổng kết năm tình hình hoạt động xây dựng chuyên ngành trên địa bàn tỉnh, gửi Sở Xây dựng trước ngày 10/03.

- Ủy ban nhân dân huyện, thành phố báo cáo theo các mẫu số 20a/BCXD; 23/BCXD, gửi Sở Xây dựng trước ngày 10/12. Báo cáo tổng kết năm tình hình hoạt động xây dựng trên địa bàn, gửi Sở Xây dựng trước ngày 10/03.

- Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn: Báo cáo theo mẫu số 23/BCXD, gửi Ủy ban nhân dân huyện, thành phố trước ngày 05/12.

2. Báo cáo đột xuất: Theo quy định của pháp luật hoặc khi cơ quan đầu mối cấp trên yêu cầu.

3. Nguồn thông tin, số liệu:

Nguồn thông tin, số liệu được thu thập từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan được nêu tại mục II Phụ lục III ban hành theo Quy định này.

Điều 6. Nội dung và hình thức báo cáo

1. Nội dung báo cáo gồm:

a) Phần số liệu điền vào các biểu mẫu nêu tại Phụ lục I, Phụ lục II;

b) Phần đánh giá tổng hợp về tình hình hoạt động xây dựng được nêu tại báo cáo sơ kết 6 tháng và tổng kết năm (mẫu số 26/BCXD).

2. Báo cáo được gửi bằng hình thức văn bản giấy, hoặc văn bản điện tử (sau khi đã thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin).

a) Văn bản giấy: Báo cáo theo biểu mẫu, tài liệu kèm theo (nếu có) được thể hiện trên giấy (hoặc bản fax) đã được thủ trưởng đơn vị ký, đóng dấu. Cơ quan đầu mối nhận có trách nhiệm thông báo ngay cho người gửi về việc đã nhận văn bản sau khi xác nhận tình hợp lệ của văn bản đó;

b) Văn bản điện tử: Báo cáo theo biểu mẫu, tài liệu kèm theo (nếu có) được thể hiện dưới dạng thông điệp dữ liệu điện tử (riêng văn bản do thủ trưởng đơn vị ký, đóng dấu được quét ảnh - Scanner, hoặc sử dụng chữ ký điện tử, hoặc khi có đầy đủ thông tin về người gửi, bảo đảm tính xác thực về nguồn gốc và sự toàn vẹn của văn bản) do người phụ trách đầu mối đơn vị gửi xác thực và gửi đúng địa chỉ hộp thư điện tử do cơ quan đầu mối nhận cung cấp. Cơ quan đầu mối nhận có trách nhiệm thông báo ngay bằng phương tiện điện tử cho người gửi về việc đã nhận văn bản điện tử sau khi xác nhận tình hợp lệ của văn bản đó.

Chương III

PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM VÀ PHỐI HỢP THỰC HIỆN

Điều 7. Trách nhiệm và phối hợp thực hiện

1. Sở Xây dựng là cơ quan đầu mối giúp Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức triển khai thực hiện Quy định này.

a) Hướng dẫn xây dựng các chỉ tiêu thống kê quốc gia, nội dung báo cáo tình hình hoạt động xây dựng. Xây dựng các biểu mẫu cần thiết đảm bảo cho công tác thu thập thông tin, báo cáo;

b) Tổ chức thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin (mở trang thông tin điện tử, lập tệp dữ liệu, biểu mẫu điện tử, lưu trữ thông tin...) trong công tác báo cáo thống kê và công khai thông tin về năng lực của các tổ chức, cá nhân hoạt động xây dựng công trình;

c) Chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp báo cáo theo Điều 4, Điều 5 Quy định này;

d) Tổ chức kiểm tra, đôn đốc thực hiện chế độ thông tin, báo cáo thống kê tổng hợp về xây dựng trên địa bàn tỉnh.

2. Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành (Công Thương, Giao thông Vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) là cơ quan đầu mối quản

lý công trình xây dựng chuyên ngành trên địa bàn tỉnh, chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp thông tin, số liệu thuộc lĩnh vực mình quản lý.

a) Thực hiện báo cáo theo Điều 5 Quy định này, gửi báo cáo định kỳ về Sở Xây dựng;

b) Đơn đốc, kiểm tra các tổ chức, cá nhân có trách nhiệm cung cấp thông tin, báo cáo thuộc lĩnh vực công trình xây dựng chuyên ngành.

3. Cơ quan, ban, ngành trên địa bàn (Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính; Cục thống kê; Chi Cục thống kê; Ban quản lý khu kinh tế tỉnh; Ban quản lý khu chức năng khác) là cơ quan phối hợp có trách nhiệm chia sẻ, cung cấp thông tin, số liệu thuộc lĩnh vực mình quản lý cho các cơ quan quản lý Nhà nước về xây dựng cùng cấp được nêu tại Phụ lục III.

4. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố:

a) Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố là cơ quan đầu mối chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp các chỉ tiêu thống kê thuộc lĩnh vực của ngành xây dựng và tình hình hoạt động xây dựng trên địa bàn mình quản lý, gửi báo cáo định kỳ về Sở Xây dựng;

b) Phòng Công Thương hoặc phòng Quản lý đô thị là đơn vị giúp Ủy ban nhân dân huyện, thành phố thực hiện báo cáo theo Điều 4, Điều 5 Quy định này;

c) Đơn đốc, kiểm tra các tổ chức, cá nhân có trách nhiệm cung cấp thông tin, báo cáo thuộc địa bàn mình quản lý.

5. Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn:

a) Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn là cơ quan đầu mối chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp các chỉ tiêu thống kê thuộc lĩnh vực của ngành xây dựng và tình hình hoạt động xây dựng trên địa bàn mình quản lý, gửi báo cáo định kỳ về Ủy ban nhân dân huyện, thành phố;

b) Cán bộ phụ trách địa chính, xây dựng giúp Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn thực hiện báo cáo theo Điều 4, Điều 5 Quy định này;

c) Đơn đốc, kiểm tra các tổ chức, cá nhân có trách nhiệm cung cấp thông tin, báo cáo thuộc địa bàn mình quản lý.

6. Tổ chức, cá nhân (chủ đầu tư, đơn vị quản lý vận hành; đơn vị quản lý cấp, thoát nước, vệ sinh môi trường; đơn vị sản xuất, khai thác vật liệu xây dựng; sản giao dịch bất động sản; hoặc có tham gia hoạt động xây dựng):

a) Tổ chức, cá nhân liên quan đến nguồn thông tin, số liệu để lập chỉ tiêu thống kê ngành xây dựng có trách nhiệm cung cấp thông tin, số liệu cho các cơ quan đầu mối được nêu tại mục I, Phụ lục III;

b) Tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng trên địa bàn có trách nhiệm báo cáo theo quy định của pháp luật được nêu tại mục II, Phụ lục III.

7. Người phụ trách đầu mối thông tin, báo cáo có trách nhiệm:

- a) Thường xuyên cập nhật thu thập thông tin; tổng hợp, kiểm tra và xử lý số liệu, đảm bảo số liệu chính xác không trùng lặp;
- b) Cung cấp thông tin, số liệu trung thực, đầy đủ, kịp thời;
- c) Lập và gửi báo cáo đúng thời gian quy định;
- d) Giải thích, làm rõ nội dung báo cáo khi người phụ trách đầu mối yêu cầu;
- d) Xác thực báo cáo gửi đi và thông báo cho người gửi đã nhận được báo cáo gửi đến;
- e) Lưu trữ dữ liệu.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 8. Xử lý vi phạm

Cơ quan, tổ chức, cá nhân vi phạm quy định của pháp luật về chế độ thông tin, báo cáo thống kê về xây dựng thi tuỷ theo tinh chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định pháp luật hiện hành.

Điều 9. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân các cấp, các ngành, các tổ chức liên quan có trách nhiệm phân công người phụ trách đầu mối thông tin, báo cáo và đảm bảo các điều kiện phục vụ công tác thông tin, báo cáo.

2. Kinh phí ứng dụng công nghệ thông tin, kinh phí lập chi tiêu báo cáo điều tra thống kê của các cơ quan quản lý nhà nước được lập dự toán và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt từ nguồn chi thường xuyên từ ngân sách Nhà nước.

Trong quá trình thực hiện nếu có phát sinh, vướng mắc, các tổ chức, cá nhân có liên quan kịp thời phản ánh về Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Hoàng Anh

Phụ lục I

**HỆ THỐNG BIỂU MẪU BÁO CÁO
CÁC CHỈ TIÊU QUỐC GIA THUỘC LĨNH VỰC NGÀNH XÂY DỰNG
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH CAO BẰNG**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 10/2013/QĐ-UBND

ngày 10 tháng 07 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

TT	Tên biểu	Ký hiệu biểu	Kỳ báo cáo	Ngày nhận báo cáo (*)
1	Chỉ số giá xây dựng	01/BCDP	Tháng, quý, năm	Ngày 15 của tháng sau tháng báo cáo; ngày 15 của tháng đầu của quý kế tiếp sau quý báo cáo; ngày 20/01 của năm sau
2	Doanh nghiệp và lực lượng hoạt động xây dựng	02/BCDP	6 tháng, năm	Ngày 15/6; 15/12; 15/3 năm sau
3	Tổng số công trình xây dựng trên địa bàn	03/BCDP	6 tháng, năm	Ngày 15/6; 15/12; 15/3 năm sau
4	Tổng số sự cố về chất lượng công trình xây dựng	04/BCDP	6 tháng, năm	Ngày 15/6; 15/12; 15/3 năm sau
5	Tai nạn lao động trong thi công xây dựng	05/BCDP	6 tháng, năm	Ngày 15/6; 15/12; 15/3 năm sau
6	Số lượng và dân số đô thị	06/BCDP	6 tháng, năm	Ngày 15/6; 15/12; 15/3 năm sau
7	Quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị	07/BCDP	Năm	Ngày 15/12; 15/3 năm sau
8	Diện tích đất đô thị	08/BCDP	6 tháng, năm	Ngày 15/6; 15/12; 15/3 năm sau
9	Dự án đầu tư phát triển đô thị	09/BCDP	6 tháng, năm	Ngày 15/6; 15/12; 15/3 năm sau
10	Hiện trạng hạ tầng kỹ thuật đô thị	10/BCDP	6 tháng, năm	Ngày 15/6; 15/12; 15/3 năm sau

11	Tỷ lệ các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao xử lý chất thải rắn và nước thải đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng	11/BCDP	6 tháng, năm	Ngày 15/6; 15/12; 15/3 năm sau
12	Tổng số nhà ở đã được xây dựng mới và tổng diện tích nhà ở đã được xây dựng mới	12/BCDP	Năm	Ngày 15/12; 15/3 năm sau
13	Tổng số nhà ở và tổng diện tích nhà ở công vụ đã được xây mới (hoặc mua nhà ở làm nhà công vụ)	13a/BCDP	Năm	Ngày 15/12; 15/3 năm sau
14	Tổng số nhà ở và tổng diện tích nhà ở xã hội đã được xây dựng mới	13b/BCDP	Năm	Ngày 15/12; 15/3 năm sau
15	Số lượng sàn giao dịch bất động sản	14/BCDP	6 tháng, năm	Ngày 15/6; 15/12; 15/3 năm sau
16	Số lượng và giá trị giao dịch kinh doanh bất động sản qua sàn	15/BCDP	6 tháng, năm	Ngày 15/6; 15/12; 15/3 năm sau
17	Chỉ số giá bất động sản	16/BCDP	6 tháng, năm	Ngày 15/6; 15/12; 15/3 năm sau
18	Một số sản phẩm vật liệu xây dựng chủ yếu	17/BCDP	6 tháng, năm	Ngày 15/6; 15/12; 15/3 năm sau

Ghi chú:

- Ngày ghi trong cột (*) là ngày nhận báo cáo của Bộ Xây dựng; Sở Xây dựng nhận báo cáo trước 5 ngày so với ngày nhận của Bộ Xây dựng; Ủy ban nhân dân cấp huyện nhận báo cáo trước 5 ngày so với ngày nhận của Sở Xây dựng.
- Các Biểu mẫu chi tiết được lập theo Thông tư số 06/2012/TT-BXD ngày 10/10/2012 của Bộ Xây dựng, trong đó có chi dẫn áp dụng theo phân cấp báo cáo của địa phương.

Biểu số: 01/BCDP

Ngày nhận báo cáo:

Ngày 15 tháng sau tháng báo cáo,
ngày 15 tháng đầu của quý kế tiếp
sau quý báo cáo, ngày 20/01 của
năm sau năm báo cáo

CHỈ SỐ GIÁ XÂY DỰNG
(Tháng, Quý, Năm)

Đơn vị báo cáo:

Sở Xây dựng
Đơn vị nhận báo cáo:
Bộ Xây dựng

	Chi số (%)
<i>A</i>	<i>I</i>
I. Chi số giá xây dựng công trình	
1. Chi số giá xây dựng công trình dân dụng	
2. Chi số giá xây dựng công trình công nghiệp	
3. Chi số giá xây dựng công trình giao thông	
4. Chi số giá xây dựng công trình thủy lợi	
5. Chi số giá xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật	
II. Chi số giá theo cơ cấu chi phí	
1. Chi số giá phần xây dựng	
III. Chi số giá theo yếu tố chi phí	
1. Chi số giá vật liệu xây dựng công trình	
2. Chi số giá nhân công xây dựng công trình	
3. Chi số giá máy thi công xây dựng công trình	
IV. Chi số giá theo loại yếu tố đầu vào	
1. Chi số giá theo loại vật liệu xây dựng chủ yếu	
2. Chi số giá theo loại nhân công xây dựng chủ yếu	
3. Chi số giá theo nhóm máy thi công xây dựng chủ yếu	

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Ngày ... tháng ... năm...
Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, ghi tên)

Biểu số: 02/BCDP
 Ngày nhận báo cáo:
 15/6, 15/12, 15/3 năm sau năm
 báo cáo

**DOANH NGHIỆP VÀ
 LỰC LƯỢNG HOẠT
 ĐỘNG XÂY DỰNG**
(6 tháng, năm)

- Đơn vị báo cáo:
 Sở Xây dựng.....
 - Đơn vị nhận báo cáo:
 Bộ Xây dựng/ UBND
 tỉnh

	Đơn vị tỉnh	Thực hiện cùng kỳ năm trước	Thực hiện trong kỳ báo cáo
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>
1. Tổng số doanh nghiệp hoạt động xây dựng	DN		
1.1. Doanh nghiệp hoạt động tư vấn	DN		
Trong đó:			
Doanh nghiệp nước ngoài	DN		
1.2. Doanh nghiệp có hoạt động thi công xây dựng	DN		
Trong đó:			
Doanh nghiệp nước ngoài	DN		
2. Tổng số lực lượng lao động xây dựng	người		
Trong đó:			
2.1. Số lao động có trình độ đại học	người		
2.2. Số lao động có trình độ cao đẳng, trung cấp	người		
2.3. Số công nhân kỹ thuật có tay nghề	người		

Ghi chú: Nguồn số liệu từ Sở KHĐT và Cục thống kê tỉnh (Danh sách doanh nghiệp hoạt động xây dựng: địa chỉ, lĩnh vực hoạt động, số lượng lao động)

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Ngày tháng năm....
Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, ghi tên)

Biểu số: 03/BCDP

Ngày nhận báo cáo :

- UBND huyện: 5/6, 5/12, 5/3 năm sau năm báo cáo.
- Sở Xây dựng: 10/6, 10/12, 10/3 năm sau năm báo cáo.

**TỔNG SỐ CÔNG TRÌNH
XÂY DỰNG TRÊN ĐỊA BÀN
(6 tháng, năm)**

- Đơn vị báo cáo: UBND cấp xã/ UBND cấp huyện.
- Đơn vị nhận báo cáo: UBND cấp huyện/Sở xây dựng

	Đơn vị tỉnh	Thực hiện cùng kỳ năm trước	Thực hiện trong kỳ báo cáo
A	B	1	2
1. Tổng số công trình xây dựng trên địa bàn	Công trình		
2. Tổng số công trình xây dựng được cấp giấy phép xây dựng	Công trình		
2.1. Giấy phép xây dựng cấp cho công trình	Công trình		
2.2. Giấy phép xây dựng cấp cho nhà ở đô thị	Công trình		
2.3. Giấy phép xây dựng cấp cho nhà ở nông thôn	Công trình		
2.4. Giấy phép xây dựng tạm	Công trình		
3. Số công trình được miễn giấy phép xây dựng	Công trình		
4. Tổng số công trình xây dựng sai quy định	Công trình		
4.1. Xây dựng không phép	Công trình		
4.2. Xây dựng sai phép	Công trình		
5. Tỷ lệ công trình xây dựng có giấy phép xây dựng	%		
5.1. Tỷ lệ công trình xây dựng được cấp giấy phép xây dựng tạm	%		
5.2. Tỷ lệ nhà ở nông thôn được cấp GPXD	%		
6. Tỷ lệ công trình xây dựng sai giấy phép xây dựng	%		

Ghi chú: - Báo cáo của cấp xã, cấp huyện gửi kèm theo Biểu danh mục công trình (ghi rõ tên công trình, địa điểm xây dựng, chủ đầu, cơ quan cấp phép).
- Nguồn số liệu từ thông báo khởi công của chủ đầu tư; cấp phép XD, kế hoạch đầu tư dự án của địa phương, điều tra thu thập.

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Ngày tháng năm.....
Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, ghi tên)

Biểu số: 04/BCDP

Ngày nhận báo cáo :

- UBND huyện: 5/6, 5/12, 5/3 năm sau năm báo cáo.
- Sở Xây dựng: 10/6, 10/12, 10/3 năm sau năm báo cáo.

TỔNG SỐ SỰ CỐ VỀ CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG
(6 tháng, năm)

- Đơn vị báo cáo: UBND cấp xã/ UBND cấp huyện.
- Đơn vị nhận báo cáo: UBND huyện/Sở xây dựng

	Đơn vị tính	Số lượng cùng kỳ năm trước	Số lượng trong kỳ báo cáo
A	B	1	2
Tổng số sự cố chất lượng công trình xây dựng	Sự cố		
1. Sự cố cấp I	Sự cố		
Chia theo loại công trình			
- Dân dụng	Sự cố		
- Công nghiệp	Sự cố		
- Hạ tầng kỹ thuật	Sự cố		
- Giao thông	Sự cố		
- Thủy lợi và Thủy điện	Sự cố		
2. Sự cố cấp II	Sự cố		
Chia theo loại công trình			
- Dân dụng	Sự cố		
- Công nghiệp	Sự cố		
- Hạ tầng kỹ thuật	Sự cố		
- Giao thông	Sự cố		
- Thủy lợi và Thủy điện	Sự cố		
3. Sự cố cấp III	Sự cố		
Chia theo loại công trình			
- Dân dụng	Sự cố		
- Công nghiệp	Sự cố		
- Hạ tầng kỹ thuật	Sự cố		
- Giao thông	Sự cố		
- Thủy lợi và Thủy điện	Sự cố		

Ghi chú: - Đối với báo cáo của cấp xã, cấp huyện gửi kèm theo Biểu danh mục công trình có sự cố (ghi rõ sự cố, tên công trình, địa điểm, chủ đầu tư, thời gian xảy ra sự cố, thiệt hại về người, vật chất và nguyên nhân sự cố)

- Nguồn số liệu: từ báo cáo sự cố, nhà thầu, chủ đầu tư, điều tra thu thập.

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Ngày ... tháng ... năm...
Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, ghi tên)

Biểu số: 05/BCDP

Ngày nhận báo cáo :
10/6, 10/12, 10/3 năm sau năm
báo cáo.

**TAI NẠN LAO ĐỘNG TRONG
THI CÔNG XÂY DỰNG
(6 tháng, năm)**

- Đơn vị báo cáo:
UBND cấp huyện
- Đơn vị nhận báo
cáo: Sở Xây dựng

	Đơn vị tính	Số lượng cùng kỳ năm trước	Số lượng trong kỳ báo cáo
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>
I. Tổng số vụ tai nạn lao động trong thi công xây dựng	Số vụ		
Trong đó:			
1. Do sự cố công trình	Số vụ		
2. Do biện pháp thi công	Số vụ		
3. Do người lao động	Số vụ		
4. Do yếu tố khác	Số vụ		
II. Tổng số người chết do tai nạn lao động	người		
Trong đó:			
1. Do sự cố công trình	người		
2. Do biện pháp thi công	người		
3. Do người lao động	người		
4. Do yếu tố khác	người		
III. Tỷ lệ người chết do tai nạn lao động			
Trong đó:			
1. Tỷ lệ người chết do sự cố công trình	%		
2. Tỷ lệ người chết do biện pháp thi công	%		
3. Tỷ lệ người chết do người lao động	%		
4. Tỷ lệ người chết do yếu tố khác	%		
IV. Tổng số người bị thương do tai nạn lao động	người		
Trong đó:			
1. Do sự cố công trình	người		
2. Do biện pháp thi công	người		
3. Do người lao động	người		
4. Do yếu tố khác	người		

Ghi chú: - Gửi kèm theo Biểu danh mục công trình có xảy ra tai nạn lao động (ghi rõ số vụ, số người tai nạn lao động, tên công trình, địa điểm xây dựng, chủ đầu tư);
- Nguồn số liệu: từ báo cáo sự cố, nhà thầu, chủ đầu tư, điều tra thu thập.

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Ngày ... tháng ... năm...
Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, ghi tên)

Biểu số: 06/BCDP
 Ngày nhận báo cáo :
 10/6, 10/12, 10/3 năm sau năm
 báo cáo.

**SỐ LƯỢNG VÀ DÂN SỐ
 ĐÔ THỊ**
(6 tháng, năm)

- Đơn vị báo cáo:
 UBND cấp huyện
 - Đơn vị nhận báo
 cáo: Sở Xây dựng

	Số lượng đô thị	Dân số toàn đô thị (người)	<i>Trong đó:</i>
			Dân số khu vực nội thị (người)
<i>A</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>
1. Huyện, Thành phố			
Đô thị loại I			
Đô thị loại II			
Đô thị loại III			
Đô thị loại IV			
Đô thị loại V			

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Ngày ... tháng ... năm...
Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, ghi tên)

Ghi chú: Nguồn số liệu của địa phương, chi cục thống kê trên địa bàn (số liệu về dân số).

Biểu số: 07/BCDP
 Ngày nhận báo cáo :
 10/12, 10/3 năm sau năm báo
 cáo.

**QUY HOẠCH XÂY DỰNG,
 QUY HOẠCH ĐÔ THỊ
 (Năm)**

- Đơn vị báo cáo:
 Ban quản lý khu chức
 năng/UBND cấp huyện
 - Đơn vị nhận báo cáo:
 Sở Xây dựng.

A. Báo cáo về quy hoạch vùng tỉnh (Sở xây dựng)

	Năm phê duyệt	Tổng diện tích đất xây dựng đô thị theo quy hoạch (ha)	Tổng diện tích đất xây dựng đô thị tại kỳ báo cáo (ha)	Ghi chú
A	B	1	2	3
1. Quy hoạch vùng tỉnh				

B. Báo cáo về quy hoạch xây dựng khu chức năng (Ban quản lý khu chức năng)

	Quy hoạch chung xây dựng		Quy hoạch chi tiết xây dựng	
	Năm phê duyệt	Diện tích quy hoạch (ha)	Số lượng đồ án	Diện tích quy hoạch (ha)
A	B	1	2	3
I. Khu kinh tế				
1. Khu A				
2. Khu B				
.....				
II. Khu Công nghiệp tập trung				
1. Khu A				
2. Khu B				
.....				
III. Khu Văn hóa, Thể thao, Du lịch cấp quốc gia, cấp tỉnh				
1. Khu A				
2. Khu B				
.....				
IV. Khu bảo tồn di sản cấp quốc gia, cấp tỉnh				
1. Khu A				
2. Khu B				
.....				
V. Khu chức năng cấp quốc gia, cấp tỉnh khác				
1. Khu A				
2. Khu B				

.....			
-------	--	--	--

C. Báo cáo về quy hoạch phân khu (quy hoạch chi tiết 1/2000), quy hoạch chi tiết 1/500 (UBND cấp huyện)

	Số lượng đồ án	Diện tích quy hoạch (ha)	Tỷ lệ phù kin QHPK, QHCT đô thị	Ghi chú
<i>A</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>
I. Đô thị A				
1. QH phân khu (QH chi tiết 1/2000)				
2. QH chi tiết 1/500				
II. Đô thị B				
1. QH phân khu (QH chi tiết 1/2000)				
2. QH chi tiết 1/500				
III. Đô thị C				
.....				

D. Báo cáo về quy hoạch xây dựng nông thôn (UBND cấp huyện)

	Số xã của huyện/thành phố	Số xã có quy hoạch được phê duyệt	Tỷ lệ xã có quy hoạch xây dựng nông thôn	Ghi chú
<i>A</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3=2/1</i>	<i>4</i>
Tổng số				

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Ngày ... tháng ... năm...
Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, ghi tên)

Ghi chú : - Ban quản lý các khu kinh tế, khu công nghiệp, khu văn hóa, thể thao, du lịch, các khu chức năng khác báo cáo theo Mục B;
- UBND huyện, thành phố báo cáo theo Mục C và Mục D.

CÔNG BÁO SỐ 18+19 Ngày 01/09/2013

Biểu số: 08/BCDP

Ngày nhận báo cáo :
10/6, 10/12, 10/3 năm sau năm báo cáo.

**DIỆN TÍCH
ĐẤT ĐÔ THỊ
(6 tháng, năm)**

- Đơn vị báo cáo:
UBND cấp huyện
- Đơn vị nhận báo cáo:
Sở Xây dựng

	Năm phê duyệt QHC	Diện tích đất toàn đô thị (ha)	Diện tích nội thành/nội thị (ha)	Diện tích đất xây dựng đô thị theo QHC được duyệt (ha)	Diện tích đất xây dựng đô thị tại kỳ báo cáo (ha)	Trong đó đối với khu vực nội thị		
						Đất cây xanh (ha)	Đất giao thông (ha)	Trong đó
								Đất bến bãi đỗ xe (ha)
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>
1. Huyện, Thành phố.....								
Đô thị loại I								
Đô thị loại II								
Đô thị loại III								
Đô thị loại IV								
Đô thị loại V								

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Ngày tháng năm....
Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, ghi tên)

Biểu số: 09/BCDP

Ngày nhận báo cáo :

15/6, 15/12, 15/3 năm sau năm báo cáo.

DỰ ÁN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ
(6 tháng, năm)

Đơn vị báo cáo:

Sở Xây dựng

Đơn vị nhận báo cáo:

Bộ Xây dựng UBND tỉnh

	Thành phố				Thị xã, thị trấn				Ngoài ranh giới thành phố, thị xã, thị trấn			
	Số lượng dự án	Trong đó:	Quy mô đất dự kiến (ha)	Quy mô dân số dự kiến (người)	Số lượng dự án	Trong đó:	Quy mô đất dự kiến (ha)	Quy mô dân số dự kiến (người)	Số lượng dự án	Trong đó:	Quy mô đất dự kiến (ha)	Quy mô dân số dự kiến (người)
		Số lượng dự án mới				Số lượng dự án mới						
<i>A</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9</i>	<i>10</i>	<i>11</i>	<i>12</i>
1. Dự án khu đô thị mới												
1. Dự án thuộc thẩm quyền Thủ tướng chính phủ phê duyệt												
2. Dự án thuộc thẩm quyền Tỉnh phê duyệt												
2. Dự án cải tạo, tái thiết đô thị												

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Ngày tháng năm ...
Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, ghi tên)

Biểu số: 10/BCDP

Ngày nhận báo cáo :

10/6, 10/12, 10/3 năm sau năm báo cáo.

**HIỆN TRẠNG Hạ TẦNG KỸ THUẬT
ĐÔ THỊ
(6 tháng, năm)**

- Đơn vị báo cáo:
UBND cấp huyện
- Đơn vị nhận báo cáo:
Sở Xây dựng

	Đơn vị tính	Tổng số	Chia theo loại đô thị:					
			Loại Đặc biệt	Loại I	Loại II	Loại III	Loại IV	Loại V
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>
1. Tổng công suất cấp nước thiết kế của nhà máy nước	m ³ /ngày							
2. Tổng công suất khai thác của nhà máy nước	m ³ /ngày							
3. Tỷ lệ thất thoát, thất thu nước sạch	%							
4. Tỷ lệ dân số thành thị được cung cấp nước sạch	%							
4.1. Tổng dân số thành thị được cung cấp nước sạch từ công trình cấp nước tập trung	Người							
5. Mức cấp nước bình quân đầu người	l/người.ngđ							
6. Tổng công suất các nhà máy xử lý nước thải	m ³ /ngày							
7. Tỷ lệ dân số thành thị được hưởng dịch vụ thoát nước	%							
8. Tỷ lệ chất thải rắn thông thường thu gom, xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng.	%							
8.1. Tổng lượng chất thải rắn thông thường phát sinh	Tấn							

8.2. Tổng lượng chất thải rắn được thu gom	Tấn							
8.3. Tổng lượng chất thải rắn xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng	Tấn							
9. Tỷ lệ đô thị có công trình xử lý chất thải rắn, nước thải đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng								
9.1. Tổng số đô thị có công trình xử lý chất thải rắn đạt tiêu chuẩn quy định	Đô thị							
9.2. Tổng số đô thị có công trình xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn quy định	Đô thị							
9.3. Tỷ lệ đô thị có công trình xử lý chất thải rắn đạt tiêu chuẩn quy định	%							
9.4. Tỷ lệ đô thị có công trình xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn quy định	%							

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Ngày ... tháng ... năm...
Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, ghi tên)

Ghi chú:

- UBND huyện, thành phố báo cáo hiện trạng hạ tầng kỹ thuật đô thị trên địa bàn mình quản lý ;
- Số liệu về dân số thành thị từ Chi cục thống kê; Các chỉ tiêu, số liệu về cấp, thoát nước đô thị được thu thập thông qua các đơn vị cấp nước, thoát nước trên địa bàn; Số liệu về chất thải rắn phát sinh trên địa bàn được thu thập từ các công ty vệ sinh môi trường đô thị đóng trên địa bàn.

Biểu số: 11/BCDP
 Ngày nhận báo cáo :
 15/6, 15/12, 15/3 năm
 sau năm báo cáo.

**TỶ LỆ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP,
 KHU CHẾ XUẤT, KHU KINH TẾ,
 KHU CÔNG NGHỆ CAO XỬ LÝ
 CHẤT THẢI RẮN VÀ NƯỚC THẢI
 ĐẠT TIÊU CHUẨN, QUY CHUẨN KỸ
 THUẬT QUỐC GIA TƯƠNG ỨNG**

- Đơn vị báo cáo:
 Sở Xây dựng
 - Đơn vị nhận báo cáo:
 Bộ Xây dựng /
 UBND tỉnh

(6 tháng, năm)

	Khu công nghiệp (khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao)	Khu công nghiệp xử lý chất thải rắn và nước thải đạt tiêu chuẩn quy định	Tỷ lệ khu công nghiệp xử lý chất thải rắn và nước thải đạt tiêu chuẩn quy định
<i>A</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3=2/1</i>
Tổng số			
Khu công nghiệp			
Khu chế xuất			
Khu kinh tế			
Khu công nghệ cao			

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Ngày ... tháng ... năm...
Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, ghi tên)

Ghi chú : - Nguồn số liệu từ Ban quản lý các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao được thu thập trực tiếp từ các công ty vệ sinh môi trường và các doanh nghiệp dịch vụ môi trường tại các khu chức năng .

Biểu số: 12/BCDP

Ngày nhận báo cáo :

- UBND huyện: 5/12, 5/3 năm sau năm báo cáo.
- Sở Xây dựng: 10/12, 10/3 năm sau năm báo cáo.

**TỔNG SỐ NHÀ Ở VÀ TỔNG DIỆN TÍCH NHÀ Ở
ĐÃ ĐƯỢC XÂY DỰNG MỚI**

(Năm)

- Đơn vị báo cáo:
UBND cấp xã/ UBND cấp huyện.
- Đơn vị nhận báo cáo:
UBND huyện/Sở xây dựng

	Đơn vị tính	Nhà ở đã được xây dựng mới		Chia ra			
		Tổng số	Trong đó:	Tổng số	Trong đó:	Tổng số	Trong đó:
			Nhà ở đã được cải tạo xây dựng lại		Nhà ở đã được cải tạo xây dựng lại		Nhà ở đã được cải tạo xây dựng lại
A	B	1	2	3	4	5	6
1. Số nhà ở đã được xây dựng mới	Căn hộ/nhà ở						
- Nhà ở riêng lẻ	Nhà ở						
- Nhà ở chung cư	Căn hộ						
2. Diện tích nhà ở đã được xây dựng mới	m² sàn						
- Nhà ở riêng lẻ	m ² sàn						
- Nhà ở chung cư	m ² sàn						

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Ngày ... tháng ... năm...
Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, ghi tên)

Ghi chú: Nguồn số liệu thu thập từ các chi đầu tư (chức, cá nhân) trên địa bàn

CÔNG BÁO SỐ 18+19 Ngày 01/09/2013

Biểu số: 13a/BCDP

Ngày nhận báo cáo :

- UBND huyện: 5/12, 5/3 năm sau năm báo cáo.
- Sở Xây dựng: 10/12, 10/3 năm sau năm báo cáo.

TỔNG SỐ NHÀ Ở VÀ TỔNG DIỆN TÍCH NHÀ Ở CÔNG VỤ ĐÃ ĐƯỢC XÂY DỰNG MỚI (HOẶC MUA NHÀ Ở LÀM NHÀ Ở CÔNG VỤ)

(Năm)

- Đơn vị báo cáo: UBND cấp xã/ UBND cấp huyện.
- Đơn vị nhận báo cáo: UBND huyện/ Sở xây dựng

	Đơn vị tính	Tổng số	Chia ra		Ghi chú
			Nhà chung cư	Nhà ở khác	
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>I</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>J</i>
1. Số nhà ở công vụ đã được xây dựng mới (hoặc mua)	căn hộ/nhà ở				
- Xây dựng mới	-				
- Nhà ở đã mua làm nhà ở công vụ	-				
2. Diện tích nhà ở công vụ đã được xây dựng mới (hoặc mua)	m ² sàn				
- Xây dựng mới	-				
- Nhà ở đã mua làm nhà ở công vụ	-				

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Ngày ... tháng ... năm...
Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, ghi tên)

Ghi chú: Nguồn số liệu thu thập từ các chủ đầu tư (chức, cá nhân) thực hiện dự án nhà ở công vụ trên địa bàn

CÔNG BÁO SỐ 18+19 Ngày 01/09/2013

Biểu số: 13b/BCDP

Ngày nhận báo cáo :

- UBND huyện: 5/12, 5/3 năm sau năm báo cáo.
- Sở Xây dựng: 10/12, 10/3 năm sau năm báo cáo.

**TỔNG SỐ NHÀ Ở VÀ TỔNG DIỆN TÍCH NHÀ Ở XÃ HỘI
ĐÃ ĐƯỢC XÂY DỰNG MỚI**

(Năm)

- Đơn vị báo cáo:
UBND cấp xã/ UBND cấp huyện.
- Đơn vị nhận báo cáo:
UBND huyện/ Sở xây dựng

	Đơn vị tỉnh	Tổng số	Chia theo loại nhà		Chia theo nguồn vốn đầu tư	
			Nhà chung cư	Nhà ở riêng lẻ	Nhà nước đầu tư	Các thành phần kinh tế tham gia đầu tư
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>I</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>
1. Số nhà ở xã hội đã được xây dựng mới	căn hộ/nhà ở					
- Khu vực đô thị	căn hộ/nhà ở					
- Khu vực nông thôn	căn hộ/nhà ở					
2. Diện tích nhà ở xã hội đã được xây dựng mới	m ² sàn					
- Khu vực đô thị	m ² sàn					
- Khu vực nông thôn	m ² sàn					

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Ngày ... tháng ... năm...
Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, ghi tên)

Ghi chú: Nguồn số liệu thu thập từ các chủ đầu tư (chức, cá nhân) thực hiện dự án nhà ở xã hội trên địa bàn.

Biểu số: 14/BCDP
Ngày nhận báo cáo :
15/6, 15/12, 15/3 năm sau
năm báo cáo.

**SỐ LƯỢNG SẢN GIAO DỊCH
BẤT ĐỘNG SẢN
(6 tháng, năm)**

Đơn vị báo cáo:
Sở Xây dựng
Đơn vị nhận báo cáo:
Bộ Xây dựng /UBND tỉnh

	Đơn vị tỉnh	Thực hiện trong kỳ báo cáo	Ghi chú
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>
Số lượng Sản giao dịch bất động sản	Sản		

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Ngày ... tháng ... năm...
Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, ghi tên)

Biểu số: 15/BCDP

Ngày nhận báo cáo :

15/6, 15/12, 15/3 năm sau năm báo cáo.

**SỐ LƯỢNG VÀ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH KINH DOANH
BẤT ĐỘNG SẢN QUA SÀN**

(6 tháng, năm)

- Đơn vị báo cáo:

Sở Xây dựng

-Đơn vị nhận báo cáo:

Bộ Xây dựng/UBND tỉnh

	Đơn vị tỉnh	Tổng số bất động sản để bán, chuyển nhượng	Chia ra			Bất động sản để cho thuê (Văn phòng cho thuê)
			Căn hộ chung cư để bán	Nhà ở riêng lê để bán	Đất nền chuyển nhượng	
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1=2+3+4</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>
Số lượng giao dịch thông qua Sàn	Lần giao dịch					
Giá trị giao dịch kinh doanh bất động sản qua Sàn	Triệu đồng					

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Ngày ... tháng ... năm...
Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, ghi tên)

Ghi chú : Nguồn số liệu

- Từ các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan tại địa phương thông qua các hợp đồng công chứng về giao dịch bất động sản, đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng bất động sản, nghĩa vụ nộp thuế giao dịch bất động sản.
- Từ các sàn giao dịch bất động sản; từ việc điều tra, khảo sát thị trường

Biểu số: 16/BCDP

Ngày nhận báo cáo :

15/6, 15/12, 15/3 năm sau năm báo cáo.

CHỈ SỐ GIÁ BẤT ĐỘNG SẢN

(6 tháng, năm)

Đơn vị báo cáo:

Sở Xây dựng

Đơn vị nhận báo cáo:

Bộ Xây dựng/UBND tỉnh

	Đơn vị tính	Chỉ số	Chỉ số giá bất động sản phân theo			
			Căn hộ chung cư để bán	Nhà ở riêng lẻ để bán	Đất nền chuyên nhượng	Văn phòng cho thuê
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>I</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>
1. Chỉ số giá bất động sản chung của địa phương	%					
2. Chỉ số giá bất động sản từng khu vực của địa phương						
- Tên khu vực	%					
.....	%					

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Ngày ... tháng ... năm...

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, đóng dấu, ghi tên)

Ghi chú : Nguồn số liệu

- Từ các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan tại địa phương thông qua các hợp đồng công chứng về giao dịch bất động sản, đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng bất động sản, nghĩa vụ nộp thuế giao dịch bất động sản.
- Từ các sàn giao dịch bất động sản; từ việc điều tra, khảo sát thị trường.

Biểu số: 17/BCDP

Ngày nhận báo cáo :
10/6, 10/12, 10/3 năm sau năm
báo cáo

**MỘT SỐ SẢN PHẨM VẬT LIỆU
XÂY DỰNG CHỦ YẾU
(6 tháng, Năm)**

- Đơn vị báo cáo:
UBND cấp huyện
- Đơn vị nhận báo cáo:
Sở Xây dựng

	Đơn vị tính	Thực hiện cùng kỳ năm trước	Thực hiện trong kỳ báo cáo	Tỷ lệ % thực hiện trong kỳ so với cùng kỳ
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>
1. Xi măng				
1.1. Số hợng doanh nghiệp	DN			
1.2. Công suất thiết kế	Triệu tấn			
1.3. Sản lượng:				
- Sản xuất	Triệu tấn			
- Tiêu thụ	Triệu tấn			
2. Gạch ốp lát				
2.1. Số lượng doanh nghiệp	DN			
2.2. Công suất thiết kế	Triệu m ²			
2.3. Sản lượng:				
- Sản xuất	Triệu m ²			
- Tiêu thụ	Triệu m ²			
3. Sứ vệ sinh				
3.1. Số lượng doanh nghiệp	DN			
3.2. Công suất thiết kế	Triệu sp			
3.3. Sản lượng				
- Sản xuất	Triệu sp			
- Tiêu thụ	Triệu sp			
4. Kính xây dựng				
4.1. Số lượng doanh nghiệp	DN			
4.2. Công suất thiết kế	Triệu m ²			
4.3. Sản lượng				
- Sản xuất	Triệu m ²			
- Tiêu thụ	Triệu m ²			
5. Gạch xây các loại				
5.1. Gạch xây nung				
5.1.1. Số lượng doanh nghiệp	DN			
5.1.2. Công suất thiết kế	Triệu viên			
5.1.3. Sản lượng				
- Sản xuất	Triệu viên			

- Tiêu thụ	Triệu viên			
5.2. Gạch xây không nung				
5.2.1. Số lượng doanh nghiệp	DN			
5.2.2. Công suất thiết kế	Triệu viên			
5.2.3. Sản lượng				
- Sản xuất	Triệu viên			
- Tiêu thụ	Triệu viên			
6. Tấm lợp				
6.1. Số lượng doanh nghiệp	DN			
6.2. Công suất thiết kế	Triệu viên			
6.3. Sản lượng				
- Sản xuất	Triệu viên			
- Tiêu thụ	Triệu viên			
7. Đá				
7.1. Số lượng doanh nghiệp	DN			
7.2. Công suất thiết kế	M3			
7.3. Sản lượng:				
- Sản xuất	M3			
- Tiêu thụ	M3			
8. Cát, sỏi				
8.1. Số lượng doanh nghiệp	DN			
8.2. Công suất thiết kế	M3			
8.3. Sản lượng:				
- Sản xuất	M3			
- Tiêu thụ	M3			

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Ngày ... tháng ... năm...
Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, ghi tên)

*Ghi chú:- Kèm theo tên doanh nghiệp, cơ sở sản xuất và sản phẩm của doanh nghiệp
- Nguồn số liệu từ các cơ sở sản xuất VLXD và Chi cục thống kê tại địa bàn.*

Phụ lục II

**HỆ THỐNG BIỂU MẪU BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH CAO BẰNG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 10/2013/QĐ-UBND
ngày 10 tháng 07 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)*

TT	Tên biểu	Ký hiệu biểu	Kỳ báo cáo	Đơn vị gửi / nhận báo cáo	Ngày nhận báo cáo
1	Công tác cấp giấy phép xây dựng cho nhà thầu nước ngoài	18/BCXD	6 tháng/năm	Sở Xây dựng / Bộ xây dựng	Ngày 25/6 và 15/12
2	Công tác cấp chứng chỉ hành nghề xây dựng	19/BCXD	6 tháng/năm	Sở Xây dựng / Bộ Xây dựng	Ngày 15/6 và 15/12
3	Báo cáo về tình hình chất lượng và quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn	20a/BCXD	Năm	UBND huyện & Sở QLXDCN / Sở Xây dựng	Ngày 10/12
4	Báo cáo về công tác quản lý chất lượng và chất lượng công trình xây dựng	20b/BCXD	Năm / Đợt xuất	Chủ đầu tư / Sở QLXDCN & UBND huyện	Ngày 05/12 và trước 10 ngày kể từ ngày dự kiến nghiệm thu công trình hoàn thành đưa vào sử dụng
5	Báo cáo công tác bảo trì công trình chuyên ngành trên địa bàn	21a/BCXD	Năm	Sở QLXDCN / Sở Xây dựng	Ngày 10/12
6	Báo cáo thực hiện bảo trì công trình	21b/BCXD	Năm	Đơn vị QLSD / Sở QLXDCN	Ngày 05/12
7	Thông báo khởi công xây dựng công trình	22/BCXD	Đợt xuất	CDT / UBND xã & Cơ quan cấp GPXD	07 ngày làm việc trước khi khởi công, động thổ xây dựng công trình
8	Báo cáo danh sách nhà thầu vi phạm HDXD và chất lượng	23/BCXD	Đợt xuất / Năm	Cơ quan QLNN về XD / Sở Xây dựng	Trong vòng 10 ngày ký văn bản xử lý vi phạm;

	công trình xây dựng				danh sách tổng hợp năm 10/12
9	Cung cấp thông tin năng lực tổ chức hoạt động tư vấn, thi công xây dựng	24/BCXD	Đợt xuất	Doanh nghiệp /Sở Xây dựng	Không quy định
10	Báo cáo hoàn thành đưa công trình hoặc hạng mục công trình vào sử dụng	25a/BCXD	Đợt xuất	CDT/ Sở QLXD &UBND huyện	Trước 10 ngày làm việc so với ngày dự kiến nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng
11	Báo nhanh sự cố công trình xây dựng	25b/BCXD	Đợt xuất	CDT/ Sở QLXD &UBND huyện	Trong vòng 24 giờ kể từ khi xảy ra sự cố
12	Báo cáo sơ kết 6 tháng, tổng kết năm về tình hình hoạt động xây dựng	26/BCXD	6 tháng, năm	UBND huyện, Sở QLXD chuyên ngành/Sở Xây dựng	Báo cáo sơ kết trước 15/6; tổng kết trước 10/3 năm sau năm báo cáo

Biểu số: 18/BCXD Theo Thông tư 01/2012/TT-BXD ngày 08/5/2012 của Bộ Xây dựng Ngày nhận báo cáo: ngày 25/6 và tháng 12 hàng năm	CÔNG TÁC CẤP GIẤY PHÉP CHO NHÀ THẦU NƯỚC NGOÀI <i>(6 tháng, năm)</i>	Đơn vị báo cáo: Sở Xây dựng Đơn vị nhận báo cáo: Bộ Xây dựng
---	--	---

**UBND TỈNH ...
 SỞ XÂY DỰNG**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /SXD....

....., ngày tháng năm

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH CẤP GIẤY PHÉP CHO NHÀ THẦU NƯỚC NGOÀI, VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA
NHÀ THẦU NƯỚC NGOÀI TẠI ĐỊA PHƯƠNG

TT	Tên Dự án và chủ đầu tư	Số hiệu GP cấp cho nhà thầu, ngày cấp	Tên nhà thầu nước ngoài, quốc tịch, địa chỉ, vốn pháp định, vai trò nhận thầu - công việc nhận thầu và giá trị hợp đồng	Tên nhà thầu Việt Nam liên danh nhận thầu, hoặc làm thầu phụ, và giá trị nhận thầu (nếu có)	Thời gian thực hiện thầu	- Tình hình thực hiện - Các nhận xét khi kiểm tra
1	2	3	4	5	6	7

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Ngày tháng năm.....
Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, ghi tên)

Biểu số: 19/BCXD Theo Thông tư 01/2012/TT-BXD ngày 24/6/2009 của Bộ Xây dựng. Ngày nhận báo cáo: 15/6, 15/12.	CÔNG TÁC CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHIỆP HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG <i>(6 tháng, năm)</i>	Đơn vị báo cáo: Sở Xây dựng Đơn vị nhận báo cáo: Bộ Xây dựng
--	---	---

	Đơn vị tính	Thực hiện cùng kỳ năm trước	Thực hiện trong kỳ báo cáo
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>
I. Tổng số chứng chỉ hành nghề đã cấp	Chứng chỉ		
1.1. Chứng chỉ hành nghề Kiến trúc sư	Chứng chỉ		
Trong đó: Kiến trúc sư công trình	Chứng chỉ		
Kiến trúc sư quy hoạch	Chứng chỉ		
1.2. Chứng chỉ hành nghề kỹ sư hoạt động xây dựng	Chứng chỉ		
Trong đó: Dân dụng và công nghiệp	Chứng chỉ		
Giao thông	Chứng chỉ		
Thủy lợi	Chứng chỉ		
Định giá	Chứng chỉ		
1.3 Chứng chỉ hành nghề giám sát thi công	Chứng chỉ		
Trong đó: Trình độ đại học	Chứng chỉ		
Trình độ cao đẳng, trung cấp	Chứng chỉ		

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Ngày tháng năm.....
 Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, ghi tên)

<p>Biểu số: 20a/BCXD <i>Theo Thông tư của Bộ Xây dựng hướng dẫn Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013 của Chính phủ</i> Ngày nhận báo cáo: 10/12</p>	<p align="center">BÁO CÁO VỀ TÌNH HÌNH CHẤT LƯỢNG VÀ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG TRÊN ĐỊA BÀN (năm)</p>	<p>- Đơn vị báo cáo: UBND huyện/ Sở QLCTXD C Ngành - Đơn vị nhận báo cáo: Sở Xây dựng</p>
---	---	---

UBND HUYỆN/ THÀNH PHỐ

.....(1)

Số:/BC-....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

BÁO CÁO

về tình hình chất lượng và quản lý
 chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn
 Năm

Kính gửi: Sở Xây dựng

I. SỐ LƯỢNG CÁC CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG VÀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG (trường hợp dự án có nhiều công trình xây dựng)

1. Tổng số công trình xây dựng (tất cả các nguồn vốn trừ nhà ở riêng lẻ):

Loại công trình chính	Đang thi công					Đã hoàn thành				
	Đặc biệt	I	II	III	IV	Đặc biệt	I	II	III	IV
Dân dụng										
Công nghiệp										
Giao thông										
Nông nghiệp và PTNT										
Hạ tầng kỹ thuật										
Tổng số										

2. Số công trình xây dựng sử dụng vốn ngân sách Trung ương:

3. Số công trình xây dựng sử dụng vốn ngân sách địa phương:

4. Số công trình xây dựng sử dụng các nguồn vốn khác:

II. SỐ LƯỢNG SỰ CỐ TRONG THI CÔNG XÂY DỰNG VÀ KHAI THÁC, SỬ DỤNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG:

1. Số lượng sự cố:

Loại công trình chính	Sự cố cấp đặc biệt nghiêm trọng		Sự cố cấp I		Sự cố cấp II		Sự cố cấp III	
	Đang thi công	Đang sử dụng	Đang thi công	Đang sử dụng	Đang thi công	Đang sử dụng	Đang thi công	Đang sử dụng
Dân dụng								
Công nghiệp								
Giao thông Nông nghiệp và PTNT								
Hạ tầng kỹ thuật								
Tổng số								

2. Mô tả sự cố, thiệt hại về người, tài sản; nguyên nhân, đánh giá và giải quyết sự cố.

III. TÌNH HÌNH CHẤT LƯỢNG VÀ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG:

1. Chất lượng khảo sát, thiết kế (thông qua công tác thẩm tra thiết kế theo Điều 21 Nghị định 15/2013/NĐ-CP):

- a) Số lượng hồ sơ thiết kế công trình được thẩm tra.
- b) Chất lượng thiết kế (đạt yêu cầu/không đạt yêu cầu; mức độ đảm bảo an toàn chịu lực, tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn chủ yếu...).
- c) Cắt giảm chi phí đầu tư (số tiền, tỷ lệ % trước và sau thẩm tra).
- d) Các đánh giá khác.

2. Chất lượng thi công xây dựng (thông qua công tác kiểm tra trong thi công và nghiệm thu):

- a) Số lượng các công trình được kiểm tra.
- b) Chất lượng thi công xây dựng (đạt/không đạt; đảm bảo an toàn vận hành theo thiết kế).
- c) Công tác quản lý chất lượng (đạt/không đạt).
- d) Đánh giá tổng thể chất lượng công trình sau khi nghiệm thu.

3. Chất lượng bảo trì công trình xây dựng:

- a) Số lượng công trình đã có quy trình bảo trì.
- b) Số lượng công trình được thực hiện bảo trì theo quy định.

c) Các vấn đề khác.

4. Các giải thưởng về chất lượng công trình và vi phạm về chất lượng công trình:

a) Số lượng công trình đạt giải thưởng quốc gia về chất lượng.

b) Số lượng công trình đạt giải thưởng chất lượng cao.

c) Số lượng các nhà thầu được tôn vinh.

d) Số lượng và các hành vi vi phạm về quản lý chất lượng công trình.

IV. CÁC NỘI DUNG BÁO CÁO KHÁC VÀ KIẾN NGHỊ:

1. Phân công, phân cấp quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng tại địa phương.

2. Các hoạt động tập huấn về văn bản quy phạm pháp luật và đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ về chất lượng công trình xây dựng.

3. Thuận lợi, khó khăn tại địa phương trong việc triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về chất lượng công trình xây dựng.

4. Kiến nghị khác (nếu có).

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu

TM. UBND HUYỆN/THÀNH PHỐ
CHỦ TỊCH

.....(1)

(Chữ ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ghi chú:- (1) UBND huyện, thành phố (báo cáo các công trình trên địa bàn mình quản lý); Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành (báo cáo đối với các công trình xây dựng chuyên ngành trên địa bàn tỉnh);

- Đối với nội dung tại mục I, mục II, mục III ghi rõ tên công trình, hoặc báo cáo nêu tổng số công trình và kèm theo Biểu danh mục công trình chi tiết.

<p>Biểu số: 20b/BCXD Theo Thông tư số 06/2011/TT-BXD ngày 21/6/2011 của Bộ Xây dựng Ngày nhận báo cáo: 05/12, và trước 10 ngày kể từ ngày dự kiến nghiệm thu công trình hoàn thành đưa vào sử dụng.</p>	<p>BÁO CÁO VỀ CÔNG TÁC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG <i>(định kỳ năm và (2) khi công trình hoàn thành đưa vào sử dụng)</i></p>	<p>Đơn vị báo cáo: Chủ đầu tư..... Đơn vị nhận báo cáo: (1).....</p>
--	--	--

TÊN CHỦ ĐẦU TƯ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP-TỰ DO-HẠNH PHÚC

.....
.....

Cao Bằng, ngày..... tháng..... năm.....

BÁO CÁO

về công tác quản lý chất lượng và chất lượng công trình xây dựng

..... (ghi tên công trình)

Từ ngày..... tháng..... năm..... đến ngày..... tháng..... năm...

Kính gửi : Cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng tại địa phương (1)

.....(tên tổ chức cá nhân) là Đại diện Chủ đầu tư công trình
..... (ghi tên công trình)..... xin báo cáo về chất lượng xây dựng công trình với các nội dung sau :

I. Các thông tin về công trình/dự án đầu tư xây dựng công trình

1. Địa điểm xây dựng công trình
2. Loại, cấp công trình
3. Quy mô, (nêu tóm tắt về kiến trúc, kết cấu, hệ thống kỹ thuật, công nghệ, công suất...).
4. Tổ chức, cơ quan phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình (ghi số, ngày, tháng của Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình).
5. Danh sách các nhà thầu (tổng thầu, nhà thầu chính và các nhà thầu phụ): khảo sát xây dựng, thiết kế xây dựng công trình, thi công xây dựng, giám sát thi công xây dựng, thi nghiệm, kiểm định xây dựng (nếu có); những phần việc do các nhà thầu đó thực hiện.
6. Về thời hạn thi công xây dựng công trình:
 - a) Ngày khởi công;
 - b) Ngày hoàn thành (dự kiến theo quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình).
7. Nguồn vốn (ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương, vốn khác):

II. Nội dung báo cáo thường kỳ

1. Tóm tắt về tiến độ thi công xây dựng công trình.

2. Những sửa đổi trong quá trình thi công so với thiết kế đã được phê duyệt (nếu những sửa đổi lớn, lý do sửa đổi, ý kiến của cấp có thẩm quyền về những sửa đổi đó).

3. Công tác kiểm tra, nghiệm thu: bộ phận công trình, giai đoạn xây dựng hoàn thành được thực hiện trong kỳ báo cáo.

4. Đánh giá về chất lượng các bộ phận công trình, giai đoạn xây dựng, hạng mục công trình hoặc toàn bộ công trình xây dựng được nghiệm thu trong kỳ báo cáo.

5. Sự cố công trình (Thời điểm xảy ra, vị trí: mô tả sự cố, thiệt hại về người, tài sản; nguyên nhân, đánh giá và giải quyết sự cố).

6. Khiếm khuyết về chất lượng (Mô tả bộ phận, vị trí khiếm khuyết, nguyên nhân, tình hình khắc phục).

7. Dự kiến kế hoạch nghiệm thu trong kỳ báo cáo tiếp theo.

8. Giá trị khối lượng thực hiện kỳ báo cáo hoặc các thông số kỹ thuật chủ yếu của công trình khi hoàn thành:

a) Theo thiết kế đã được phê duyệt;

b) Theo thực tế đạt được.

9. Kiến nghị (nếu có).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở QLCT XD chuyên ngành;
- Cơ quan liên quan;
- Lưu;

CHỦ ĐẦU TƯ

(Chữ ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) UBND huyện, thành phố tại địa bàn có công trình xây dựng; tùy theo loại công trình xây dựng, chủ đầu tư còn phải báo cáo Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành (Sở Xây dựng; Sở Công Thương; Sở GTVT; Nông nghiệp & PTNT) và cơ quan khác có liên quan.
- (2) Đối với công trình thuộc diện do cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng kiểm tra công tác nghiệm thu công trình trước khi đưa vào sử dụng (theo quy định tại khoản 1 Điều 21 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013 của Chính phủ) thì thực hiện theo mẫu 25a/BCXD.

Biểu số: 21a/BCXD (Mẫu ban hành tạm thời) Ngày nhận báo cáo: 10/12	BÁO CÁO CÔNG TÁC BẢO TRÌ CÔNG TRÌNH (năm)	- Đơn vị báo cáo: Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành - Đơn vị nhận báo cáo: Sở Xây dựng
---	---	--

(TÊN SỞ QUẢN LÝ CÔNG
TRÌNH XÂY DỰNG CHUYÊN
NGÀNH)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm 20.....

BÁO CÁO

Công tác bảo trì công trình xây dựng chuyên ngành trên địa bàn năm 20....

(Đối với công trình xây dựng từ cấp II trở lên và công trình khi xảy ra sự cố có thể gây
thảm họa theo quy định của pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng)

Kính gửi: Sở Xây dựng

..... (Tên Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành)..... báo cáo tình hình thực hiện bảo
trì công trình xây dựng năm 20.... như sau:

1. Số công trình đang sử dụng phải lập quy trình bảo trì;
2. Số công trình đang sử dụng nhưng chưa có quy trình bảo trì;
3. Xử lý đối với công trình hết tuổi thọ thiết kế có nhu cầu tiếp tục sử dụng;
4. Xử lý đối với công trình có biểu hiện xuống cấp về chất lượng, không đảm bảo an toàn
cho việc khai thác, sử dụng;
5. Số lượng công trình thực hiện bảo trì ;
6. Kiểm tra công tác bảo trì ;
7. Đề xuất, kiến nghị (nếu có).

Gửi kèm theo: Danh mục các công trình theo (1),(2),(3),(4),(5),(6).

Nơi nhận :
- Như trên:
- Lưu:...

SỞ QUẢN LÝ CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG
CHUYÊN NGÀNH

(kỳ, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Biểu số: 21b/BCXD (Mẫu ban hành tạm thời) Ngày nhận báo cáo: 05/12	BÁO CÁO CÔNG TÁC BẢO TRÌ CÔNG TRÌNH (năm)	Đơn vị báo cáo: Chủ đầu tư, Chủ sở hữu Đơn vị nhận báo cáo:(1).....
---	---	--

(TÊN CHỦ SỞ HỮU HOẶC
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm 20.....

BÁO CÁO

Thực hiện bảo trì công trình xây dựng năm 20....

(Đối với công trình xây dựng từ cấp II trở lên và công trình khi xây ra sự cố có thể gây
thảm họa theo quy định của pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng)

Kính gửi:(1).....

..... (Tên chủ sở hữu hoặc người được ủy quyền)..... báo cáo tình hình thực hiện bảo trì
công trình xây dựng năm 20.... như sau:

1. Thông tin chung

1. Tên công trình:.....

2. Địa điểm xây dựng:.....

3. Loại, cấp công trình:.....

4. Quy mô công trình: (Nêu tóm tắt về kiến trúc, kết cấu, hệ thống kỹ thuật, công nghệ, công
suất,.....).

5. Tổ chức, cơ quan phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình (ghi số, ngày,
tháng của Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình).

6. Về thời gian xây dựng, quá trình bảo trì công trình:

a) Ngày khởi công:.....

b) Ngày bàn giao đưa vào khai thác, sử dụng:.....

c) Số lần và thời gian bảo trì trước thời điểm báo cáo:.....

7. Đánh giá chất lượng, sự an toàn công trình trước thời điểm báo cáo

II. Nội dung báo cáo thường kỳ (năm báo cáo)

1. Lập và phê duyệt quy trình bảo trì (hoặc điều chỉnh) :

(Ghi tên đơn vị lập và Quyết định số, ngày, tháng của người phê duyệt quy trình bảo trì công trình)

2. Lập kế hoạch (hoặc điều chỉnh) và dự toán kinh phí bảo trì:

(Ghi tên đơn vị lập và Quyết định số, ngày, tháng của người phê duyệt Kế hoạch bảo trì công trình)

3. Kiểm tra công trình thường xuyên, định kỳ và đột xuất.....

4. Quan trắc đối với các công trình có yêu cầu quan trắc.....

5. Bảo dưỡng công trình.....

6. Kiểm định chất lượng công trình khi cần thiết.....

7. Sửa chữa công trình định kỳ và đột xuất.....

8. Lập và quản lý hồ sơ bảo trì công trình.....

9. Đánh giá chất lượng, sự an toàn hiện trạng của công trình

10. Đề xuất, kiến nghị (nếu có):.....

Nơi nhận :

- Như trên;

-.....(2).....;

- Lưu:...

**CHỦ SỞ HỮU
HOẶC NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN**

(ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Ghi chú:

(1) – Ghi tên Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành (Sở Xây dựng; Sở Công Thương; Sở GTVT; Nông nghiệp & PTNT) và cơ quan quản lý ngành có liên quan (BCH quân sự tỉnh; BCH Bộ đội Biên phòng tỉnh; Công an tỉnh; Sở Thông tin và Truyền thông; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch).

(2) – Ghi tên Bộ chuyên ngành quản lý bảo trì đối với loại công trình báo cáo (Bộ Xây dựng; Bộ Công Thương; Bộ GTVT, Bộ NN & PTNT; Bộ Quốc phòng; Bộ Công an; Bộ Thông tin và Truyền thông; Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch).

Báo cáo xử lý đối với công trình hết tuổi thọ thiết kế có nhu cầu tiếp tục sử dụng và Báo cáo xử lý đối với công trình có biểu hiện xuống cấp về chất lượng, không đảm bảo an toàn cho việc khai thác, sử dụng thực hiện theo Nghị định số 114/2010/NĐ-CP ngày 06/12/2010 của Chính phủ về bảo trì công trình xây dựng.

<p>Biểu số: 22/BCXD (mẫu ban hành tạm thời) Ngày nhận báo cáo: 07 ngày làm việc trước khi khởi công, động thổ xây dựng công trình</p>	<p>THÔNG BÁO KHỞI CÔNG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH</p>	<p>Đơn vị báo cáo: Chủ đầu tư Đơn vị nhận báo cáo: UBND xã và Cơ quan cấp GPXD</p>
--	---	--

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG BÁO KHỞI CÔNG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

Kính gửi:

- UBND cấp xã (xã, phường, thị trấn).....
- Cơ quan cấp giấy phép xây dựng.....

..... (tên chủ đầu tư, địa chỉ, số điện thoại..).....

Sau khi kiểm tra đủ điều kiện khởi công công trình xây dựng, nay chúng tôi thông báo khởi công xây dựng công trình với các nội dung sau:

1. Thông tin chung

- Tên công trình (hoặc gói thầu)
- Quy mô, diện tích (m² sàn).....
- Thuộc dự án, được phê duyệt theo quyết định số... ngày...tháng...năm.....
- Địa điểm xây dựng:.....
- Giấy phép xây dựng số:...../GPXD ngàytháng.....năm..... do.....cấp.

2. Các đơn vị tham gia thực hiện

- Ban quản lý dự án (địa chỉ, số điện thoại)
- Nhà thầu thiết kế (địa chỉ, số điện thoại) :
- Nhà thầu giám sát (địa chỉ, số điện thoại) :
- Nhà thầu thi công (địa chỉ, số điện thoại) :
- Ngày khởi công:.....
- Dự kiến ngày hoàn thành:.....

3. Nội dung khác

.....

Kèm theo: Gửi UBND cấp xã

- 1) Bản sao quyết định phê duyệt dự án:

<p>Biểu số: 23 /BCXD (Mẫu ban hành tạm thời) Ngày nhận báo cáo: Trong vòng 10 ngày ký văn bản xử lý vi phạm; Báo cáo danh sách tổng hợp năm trước 10/12</p>	<p>BÁO CÁO DANH SÁCH CÁC NHÀ THẦU VI PHẠM HDXD VÀ CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG (năm hoặc đợt xuất)</p>	<p>Đơn vị báo cáo:(1)..... Đơn vị nhận báo cáo: Sở Xây dựng:</p>
--	---	--

2) Bản sao giấy phép xây dựng công trình, hoặc đối với công trình được miễn phép xây dựng phải kèm theo bản vẽ thiết kế (mặt bằng, các mặt đứng, mặt cắt chính công trình; mặt bằng, mặt cắt móng; các bản vẽ đấu nối đường giao thông, thoát nước với hạ tầng kỹ thuật ngoài hàng rào công trình).

....., ngày..... tháng.....năm.....

Chủ đầu tư

(kỳ tên, đóng dấu)

TÊN CƠ QUAN.....
.....(1).....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP-TỰ DO-HẠNH PHÚC**

Cao Bằng, ngày..... tháng..... năm.....

**BÁO CÁO
DANH SÁCH CÁC NHÀ THẦU VI PHẠM HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG
VÀ CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG**

Kính gửi : Sở Xây dựng Cao Bằng

.....Tên cơ quan (1) báo cáo danh sách các nhà thầu vi phạm hoạt động xây dựng và chất lượng công trình xây dựng như sau :

1. Danh sách tổ chức, cá nhân vi phạm

STT	Tên tổ chức, cá nhân	Địa chỉ	Hành vi vi phạm (2)	Nội dung vi phạm (3)	Hình thức xử phạt (4)	Văn bản xử lý vi phạm (5)

2. Văn bản xử lý vi phạm (5)

(Mẫu ban hành tạm thời)
 Ngày nhận báo cáo:
 Không quy định

**CUNG CẤP THÔNG TIN NĂNG
 LỰC TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG TƯ
 VẤN, THI CÔNG XÂY DỰNG**

Doanh nghiệp hoạt động
 xây dựng trên địa bàn.
 - Đơn vị nhận báo cáo:
 Sở Xây dựng

(Kèm theo biên bản vi phạm hành chính, quyết định xử phạt vi phạm hành chính)

2. Kiến nghị

Ghi chú:

- (1) Các cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng (Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, UBND cấp huyện báo cáo Sở Xây dựng; UBND cấp xã báo cáo UBND cấp huyện trước 05/12).
- (2) Hành vi vi phạm theo Điều 5 Nghị định số 23/2009/NĐ-CP và các quy định pháp luật hiện hành.
- (3), (4) và (5) Ghi nội dung vi phạm, hình thức xử phạt và thủ tục xử phạt theo Nghị định số 23/2009/NĐ-CP ngày 27/2/2009 của Chính phủ và các quy định pháp luật có liên quan.

Nơi nhận :

- Như trên;
-;
- Lưu:...

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP (1)

(kỳ, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

TÊN ĐƠN VỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

..... ngày tháng năm 20..

**CUNG CẤP THÔNG TIN NĂNG LỰC
 TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG TƯ VẤN, THI CÔNG XÂY DỰNG**

Kính gửi: Sở Xây dựng Cao Bằng

- 1. Tên đơn vị:
- a) Địa chỉ trụ sở chính:
- Số điện thoại:..... fax:..... Website (hoặc Email):
- Mã số thuế:
- Số tài khoản:; tại:
- b) Địa chỉ văn phòng đại diện/ chi nhánh tại Cao Bằng (nếu có):
- Số điện thoại :; Fax:; Website (hoặc Email):
- 2. Quyết định thành lập, số: ngày:, do cấp nào quyết định:.....
- 3. Chứng nhận đăng ký kinh doanh:
 Lần đầu : Số: ngày..... do cơ quan cấp
 Bổ sung (nếu có): Số: ngày..... do cơ quan cấp
- 4. Các lĩnh vực hoạt động xây dựng
 a) Tư vấn xây dựng

STT	Lĩnh vực	Chuyên ngành	Tự xếp hạng
-----	----------	--------------	-------------

	<i>(theo đăng ký kinh doanh)</i>	<i>(theo đăng ký kinh doanh)</i>	<i>(theo phụ lục 04)</i>
--	-----------------------------------	-----------------------------------	---------------------------

b) Thi công xây dựng

STT	Lĩnh vực	Chuyên ngành	Tự xếp hạng
	<i>(theo đăng ký kinh doanh)</i>	<i>(theo đăng ký kinh doanh)</i>	<i>(theo phụ lục 05)</i>

5. Số liệu tài chính (trong 03 năm gần nhất):

- a) Vốn điều lệ:
- b) Doanh thu (theo từng lĩnh vực: tư vấn, xây lắp, khác):
- c) Lợi nhuận

6. Số lượng cán bộ, công nhân viên của đơn vị (chi nêu những người có hợp đồng lao động trên 01 năm) thực hiện công việc liên quan đến hoạt động xây dựng :

a) Tư vấn xây dựng (theo phụ lục 01):

STT	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo						
		Kiến trúc, QH	Dân dụng & CN	Giao thông	Thủy lợi	Hạ tầng kỹ thuật	Kinh tế	Chuyên ngành khác
1	Trên đại học							
2	Đại học							
3	Cao đẳng							
4	Trung cấp							
5	Công nhân kỹ thuật							
	Tổng số							

b) Thi công xây dựng (theo phụ lục 02)

STT	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo						
		Kiến trúc, QH	Dân dụng & CN	Giao thông	Thủy lợi	Hạ tầng kỹ thuật	Kinh tế	Chuyên ngành khác
1	Trên đại học							
2	Đại học							
3	Cao đẳng							
4	Trung cấp							
5	Công nhân kỹ thuật							
	Tổng số							

c) Tổng hợp chứng chỉ hành nghề, chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ đã được cấp (theo phụ lục 3)

STT	Chứng chỉ hành nghề	Số lượng	Chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ	Số lượng
1	Khảo sát xây dựng		- Đầu thầu	
2	Kiến trúc sư		- Quản lý dự án	
3	Kỹ sư thiết kế		- Giám sát	
4	Giám sát thi công		- Chỉ huy trưởng	

5	Kỹ sư định giá		- Kỹ sư định giá	
			- Thi nghiệm	
			- Kiểm định xây dựng	
	Tổng số			

7. Công trình tiêu biểu đã hoàn thành có tham gia thiết kế, thi công một phần hoặc toàn bộ công trình theo hình thức tổng thầu hoặc thầu chính trong 3 năm gần nhất (mỗi loại kê tối đa 03 công trình cấp công trình cao nhất):

STT	Tên công trình	Nhóm dự án, cấp công trình	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Công tác nhà thầu thực hiện	Người chủ trì	Giá trị hợp đồng (triệu đồng)
I. Công trình dân dụng							
1							
2						
I.....							

8. Công trình đang thực hiện thiết kế thiết kế, thi công một phần hoặc toàn bộ công trình theo hình thức tổng thầu hoặc thầu chính trong 3 năm gần nhất (mỗi loại kê tối đa 03 công trình)

STT	Tên công trình	Nhóm dự án, cấp công trình	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Công tác nhà thầu thực hiện	Người chủ trì	Giá trị hợp đồng (triệu đồng)
I. Công trình dân dụng							
1							
2						
I.....							

9. Máy móc, thiết bị thi công chuyên dùng chủ yếu thuộc sở hữu của đơn vị phục vụ hoạt động xây dựng:

a) Tư vấn xây dựng

STT	Tên thiết bị, dụng cụ thi nghiệm	Số lượng	Tính năng kỹ thuật	Nước sản xuất/ năm sản xuất	Thời gian kiểm định	Chất lượng hiện nay
1						

b) Thi công xây dựng

STT	Loại máy móc, thiết bị thi công	Số lượng	Công suất	Tính năng kỹ thuật	Nước sản xuất/ năm sản xuất	Chất lượng hiện nay
1						

10. Hệ thống quản lý chất lượng : có (tiêu chuẩn áp dụng) , không

11. Phòng thi nghiệm xây dựng chuyên ngành được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận (phòng LAS-XD): có , không

- Quyết định công nhận:
- Số hiệu phòng thi nghiệm:
- Địa chỉ, điện thoại
- Khả năng thực hiện phép thử:

12. Nêu những lĩnh vực thuộc thế mạnh của đơn vị:.....

.....
13. Thống kê những công trình được giải thưởng (mỗi loại kê tối đa 03 công trình)
.....

14. Thống kê những vi phạm hoạt động xây dựng trong 03 năm qua:

- Tên công trình, nội dung vi phạm, hình thức xử phạt

15. Các ý kiến khác (nếu có):.....
.....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Phụ lục 01: kê khai cá nhân tham gia tư vấn xây dựng công trình của đơn vị

STT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ chuyên ngành	Chức vụ hiện nay	Hợp đồng lao động (Số, ngày tháng năm ký kết, thời gian lao động, loại hình hợp đồng)	Số Bảo hiểm xã hội	Chứng chỉ hành nghề tư vấn xây dựng, Chủ nhiệm, Chủ trì hạng I, hạng II (Loại chứng chỉ; Số; Nơi cấp; Ngày cấp; Nội dung chứng chỉ)	Thời gian công tác (số năm kinh nghiệm)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10

..... ngày.....tháng.....năm 2013
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 02 : Kê khai cá nhân tham gia thi công xây dựng công trình của đơn vị

STT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ chuyên ngành	Chức vụ hiện nay	Hợp đồng lao động (Số, ngày tháng năm ký kết, thời gian lao động, loại hình hợp đồng)	Số Bảo hiểm xã hội	Chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ chỉ huy trưởng công trình, chứng chỉ đào tạo nghề phù hợp với công việc đảm nhận (Loại chứng chỉ; Số; Nơi cấp; Ngày cấp; Nội dung chứng chỉ)	Thời gian kinh nghiệm	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10

..... ngày.....tháng.....năm 2013

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(kí tên, đóng dấu)

Phụ lục 03: Tổng hợp chung các cá nhân đã được cấp chứng chỉ hành nghề HDXD và chứng nhận nghiệp vụ qua đào tạo

TT	Chứng chỉ hành nghề khảo sát	Chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư	Chứng chỉ hành nghề kỹ sư thiết kế	Chứng chỉ Kỹ sư định giá	Chứng chỉ giám sát thi công	Chứng nhận nghiệp vụ qua đào tạo

..... ngày.....tháng.....năm 2013
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(kí tên, đóng dấu)

Phụ lục 04 : TỰ XẾP HẠNG NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG TƯ VẤN CỦA ĐƠN VỊ

Quy hoạch	Lập dự án				Quản lý dự án				Khảo sát	Thiết kế				Quản lý chi phí	Giám sát thi công				GHI CHÚ
	DD&CN	GT	TL	HTKT	DD&CN	GT	TL	HTKT		DD&CN	GT	TL	HTKT		DD&CN	GT	TL	HTKT	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20

Ghi chú:

- DD&CN: Dân dụng và Công nghiệp; GT: Giao thông; TL: Thủy lợi; HTKT: Hạ tầng kỹ thuật.
- Các đơn vị căn cứ vào năng lực của mình, đối chiếu với các quy định tại Chương IV Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình và Thông tư số 22/2009/TT-BXD ngày 06/7/2009 của Bộ Xây dựng Quy định chi tiết về điều kiện năng lực trong hoạt động xây dựng để tự phân hạng.
- Các cột từ (1) đến (19): Loại hình nào không tham gia tư vấn điền "KHÔNG"; nếu chưa đủ điều kiện thì để trống, đủ điều kiện phân hạng II điền H.II; hạng I điền H.I.
- Nếu chưa đủ điều kiện ở tất cả các loại hình điền " CHƯA ĐỦ ĐIỀU KIỆN PHÂN HẠNG" tại cột (20).

CÔNG BÁO SỐ 18+19 NGÀY 01/09/2013

- Trường hợp tư vấn thuộc các lĩnh vực, chuyên ngành khác (Thi nghiệm, kiểm định, ...) thì phân hạng tương tự và ghi trực tiếp vào biểu CUNG CẤP THÔNG TIN NĂNG LỰC.

....., ngày.....tháng.....năm 2013

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(kí tên, đóng dấu)

Phụ lục 05 : TƯ XẾP HẠNG NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG THI CÔNG XÂY DỰNG CỦA ĐƠN VỊ

Thi công xây dựng				Thi công các công việc, hạng mục, công trình có yêu cầu đặc biệt										GHI CHÚ	
DD&CN	GT	TL	HTKT	Công việc		hạng mục				công trình					
				Xử lý nền móng bằng cọc barret và cọc khoan nhồi	Phá dỡ công trình > 10 mét	Lắp đặt thiết bị siêu trọng.	Tầng hầm của các công trình: nhà cao tầng, bãi đỗ xe ngầm, các loại công trình khác;	Đập có chiều cao > 25 mét: (đập bê tông, đập đất, đá thủy lợi, thủy điện)	Bồn chứa, bể chứa, đường ống dẫn xăng, dầu, khí.	Công trình nhà cao tầng > 20 tầng; khẩu độ > 36 mét	Công trình dạng tháp > 50 mét	Công trình cầu: nhịp > 100 mét, cầu vòm cao > 50 mét; trụ cao > 30 mét	Công trình ngầm: hầm mỏ, thủy điện, giao thông		Công trình trên biển
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	16	17

Ghi chú:

- DD&CN: Dân dụng và Công nghiệp; GT: Giao thông; TL: Thủy lợi; HTKT: Hạ tầng kỹ thuật

- Các đơn vị căn cứ vào năng lực của mình, đối chiếu với các quy định tại Chương IV Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình và Thông tư số 22/2009/TT-BXD ngày 06/7/2009 của Bộ Xây dựng Quy định chi tiết về điều kiện năng lực trong hoạt động xây dựng để tự phân hạng.

- Các cột từ (1) đến (4): Loại hình nào không tham gia điền "KHÔNG"; nếu chưa đủ điều kiện thì để trống, đủ điều kiện phân hạng II điền H.II; hạng I điền H.I...

- Các cột từ (5) đến (16): Loại hình nào không tham gia điền "KHÔNG"; nếu chưa đủ điều kiện thì để trống, đủ điều kiện năng lực thì điền "ĐNL".

- Nếu chưa đủ điều kiện ở tất cả các loại hình điền "CHƯA ĐỦ ĐIỀU KIỆN PHÂN HẠNG" tại cột (17).

....., ngày.....tháng.....năm 2013

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(kỳ tên, đóng dấu)

<p>Biểu số: 25a/BCXD <i>Theo Thông tư của Bộ Xây dựng, Hướng dẫn Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013 của Chính phủ.</i> Ngày nhận báo cáo : Trước 10 ngày làm việc so với ngày dự kiến nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng.</p>	<p>BÁO CÁO HOÀN THÀNH ĐƯA CÔNG TRÌNH/ HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH VÀO SỬ DỤNG</p>	<p>-Đơn vị báo cáo: - Đơn vị nhận báo cáo: Cơ quan QLNN về xây dựng theo phân cấp</p>
---	---	---

(Tên Chủ đầu tư)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Số: /

....., ngày..... tháng..... năm.....

**BÁO CÁO
 HOÀN THÀNH ĐƯA CÔNG TRÌNH/HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH VÀO SỬ DỤNG**

..... (ghi tên công trình)

Kính gửi : (1).....

.....(tên tổ chức cá nhân) là Chủ đầu tư công trình/hạng mục công trình
 (ghi tên công trình, hạng mục công trình)..... xin báo cáo hoàn thành đưa công trình
 hoặc hạng mục công trình vào sử dụng với các nội dung sau :

1. Địa điểm xây dựng
2. Quy mô công trình (nêu tóm tắt về kiến trúc, kết cấu, hệ thống kỹ thuật, công nghệ, công suất...).
3. Danh sách các nhà thầu (tổng thầu, nhà thầu chính và các nhà thầu phụ): khảo sát xây dựng, thiết kế xây dựng công trình, thi công xây dựng, giám sát thi công xây dựng, thi nghiệm, kiểm định xây dựng (nếu có); những phần việc do các nhà thầu đó thực hiện.
4. Ngày khởi công và ngày hoàn thành (dự kiến): đánh giá chậm/vượt tiến độ so với dự kiến khi khởi công công trình.
5. Khối lượng của các loại công việc xây dựng chủ yếu được thực hiện.
6. Công tác nghiệm thu công việc xây dựng, giai đoạn (nếu có).
7. Đánh giá về chất lượng các bộ phận công trình, giai đoạn xây dựng, hạng mục công trình hoặc toàn bộ công trình xây dựng chuẩn bị nghiệm thu đưa vào sử dụng.
8. Kiến nghị (nếu có).

Kèm theo hồ sơ hoàn thành công trình.

Đề nghị(1)....tổ chức kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng theo thẩm quyền./

Nơi nhận :

- Như trên;
- Lưu Chủ đầu tư.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT
 CỦA CHỦ ĐẦU TƯ**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

(1). Cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng kiểm tra công tác nghiệm thu của chủ đầu tư theo thẩm quyền quy định tại quy định tại khoản 1 Điều 21 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013 của Chính phủ.

<p>Biểu số: 25b/BCXD Ngày nhận báo cáo : Trong vòng 24 giờ kể từ khi xảy ra sự cố</p>	<p align="center">BÁO CÁO NHANH SỰ CỐ CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG</p>	<p>- Đơn vị báo cáo: Chủ đầu tư, Người quản lý sử dụng công trình - Đơn vị nhận báo cáo: UBND huyện: Sở QLCN</p>
--	--	---

Chủ đầu tư/Chủ sở hữu hoặc chủ quản lý sử dụng công trình

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa điểm, ngày..... tháng..... năm.....

BÁO CÁO NHANH SỰ CỐ CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

Kính gửi:

1. Tên công trình, vị trí xây dựng:

2. Các tổ chức cá nhân tham gia xây dựng:

a) Nhà thầu khảo sát xây dựng:..... (ghi tên tổ chức, cá nhân).....

b) Nhà thầu thiết kế xây dựng công trình:..... (ghi tên tổ chức, cá nhân)

c) Nhà thầu thi công xây dựng:..... (ghi tên tổ chức, cá nhân)

d) Nhà thầu giám sát thi công xây dựng:..... (ghi tên tổ chức, cá nhân)

3. Mô tả nội dung sự cố:

Mô tả sơ bộ về sự cố, tình trạng công trình xây dựng khi xảy ra sự cố, thời điểm xảy ra sự cố

4. Thiệt hại sơ bộ về người và vật chất:

a) Tình hình thiệt hại về người, về vật chất:.....

b) Về nguyên nhân sự cố:.....

5. Biện pháp khắc phục:.....

Nơi nhận :

- Như trên;

- Lưu

NGƯỜI BÁO CÁO *

(kỳ, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

* **Ghi chú:**

a) Chủ đầu tư lập báo cáo sự cố xảy ra tại công trình đang thi công xây dựng;

b) Chủ sở hữu hoặc chủ quản lý sử dụng lập báo cáo xảy ra tại công trình đang sử dụng, vận hành, khai thác.

Biểu số: 26/BCXD (Mẫu ban hành tạm thời) Ngày nhận báo cáo: - Sơ kết trước 15/6; - Tổng kết trước 10/3 năm sau năm báo cáo	BÁO CÁO SƠ KẾT 6 THÁNG, TỔNG KẾT NĂM VỀ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG (6 tháng, năm)	- Đơn vị báo cáo: UBND huyện/ Sở QLCTXD C.ngành - Đơn vị nhận báo cáo: Sở Xây dựng
---	--	--

**UBND HUYỆN, THÀNH PHỐ /
SỞ QLCTXD CHUYÊN NGÀNH**

Số:/BC-....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

BÁO CÁO
Sơ kết 6 tháng hoặc tổng kết năm
về tình hình hoạt động xây dựng trên địa bàn

Kính gửi: Sở Xây dựng

1 – THỰC HIỆN NHIỆM VỤ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC

1. Ban hành hoặc triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật
2. Công tác xây dựng và quản lý quy hoạch
 - a) Lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch, kế hoạch ngành ;
 - b) Lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch xây dựng (vùng, đô thị, nông thôn, phân khu chức năng...);
 - c) Quản lý quy hoạch ;
3. Công tác cấp giấy phép
 - a) Giấy phép quy hoạch/chứng chỉ quy hoạch/ thoả thuận KT- QH;
 - b) Giấy phép xây dựng;
 - c) Chứng chỉ hành nghề;
 - d) Giấy phép khác .
4. Quản lý chất lượng công trình xây dựng và chất lượng công trình xây dựng
 - a) Tham gia ý kiến thiết kế cơ sở;
 - b) Thẩm định dự án hoặc báo cáo kinh tế kỹ thuật;
 - c) Thẩm tra thiết kế;
 - d) Kiểm tra, nghiệm thu công trình hoàn thành;
 - d) Sự cố công trình;
 - c) Bảo trì công trình.
5. Quản lý trật tự đô thị

6. Quản lý chi phí đầu tư đối với nguồn vốn nhà nước
7. Quản lý sản xuất VLXD
8. Quản lý nhà ở và công sở, hạ tầng kỹ thuật đô thị, thị trường bất động sản, triển khai xây dựng nhà ở xã hội
9. Chế độ thông tin báo cáo
10. Công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm .

II. THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG (của chủ đầu tư)

Do sở QLCTXD chuyên ngành (bao gồm các đơn vị trực thuộc) hoặc UBND huyện, thành phố (bao gồm xã, phường, thị trấn) tổng hợp báo cáo :

1. Công tác lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư
2. Công tác đấu thầu, lựa chọn nhà thầu
3. Công tác giải phóng mặt bằng
4. Công tác quản lý thực hiện dự án
5. Công tác an toàn lao động
6. Thực hiện kế hoạch đầu tư XD CB
(Kèm theo: Danh mục dự án, tổng mức đầu tư, chi tiêu vốn, giải ngân)
7. Quyết toán dự án hoàn thành
(Kèm theo: Danh mục dự án hoàn thành, giá trị quyết toán vốn đầu tư)
8. Công tác giám sát, đánh giá dự án đầu tư

III. BIỆN PHÁP THỰC HIỆN NHIỆM VỤ

(6 tháng cuối năm, hoặc năm sau năm báo cáo)

IV. KIẾN NGHỊ

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

**UBND HUYỆN, THÀNH PHỐ/
SỞ QLCTXD CHUYÊN NGÀNH**

(Chữ ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ghi chú: Báo cáo cần nêu rõ kết quả (số liệu) thực hiện, thuận lợi, khó khăn, nguyên nhân, đề xuất giải pháp thực hiện và kiến nghị cơ quan cấp trên (nếu có).

Phụ lục III
NGUỒN THÔNG TIN, SỐ LIỆU

(Kèm theo Quyết định số: 10/2013/QĐ-UBND ngày 10 tháng 07 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

STT	Đơn vị cung cấp	Thông tin, số liệu	Chế độ, thời gian cung cấp	Nơi nhận (Cơ quan quản lý Nhà nước về XD)
1. Các chỉ tiêu thông kê quốc gia thuộc lĩnh vực ngành xây dựng trên địa bàn				
1	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Doanh nghiệp và lực lượng hoạt động xây dựng được cấp chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc chứng nhận đầu tư tại địa bàn (cho biểu 02/BCĐP)	- Định kỳ 6 tháng, trước ngày 10/6; - Định kỳ năm, trước ngày 10/12 (sơ bộ), trước ngày 10/3 năm sau năm báo cáo (chính thức)	Sở Xây dựng
2	Cục Thống kê	- Số liệu điều tra về doanh nghiệp, lao động của doanh nghiệp (cho biểu 02/BCĐP); - Dân số đô thị (cho biểu 06/BCĐP). - Sản phẩm vật liệu xây dựng chủ yếu (cho biểu 17/BCĐP).	- Định kỳ năm, trước ngày 10/12 (sơ bộ), trước ngày 10/3 năm sau năm báo cáo (chính thức)	Sở Xây dựng
3	Chi Cục thống kê	- Dân số đô thị (cho biểu 06/BCĐP) - Sản phẩm vật liệu xây dựng chủ yếu (cho biểu 17/BCĐP)	- Định kỳ năm, trước ngày 05/12 (sơ bộ), trước ngày 05/3 năm sau năm báo cáo (chính thức)	UBND cấp huyện.
4	Ban quản lý các khu kinh tế, khu công nghiệp, khu văn hóa, thể thao, du lịch, các khu chức năng khác.	Quy hoạch khu chức năng (cho biểu 07/BCĐP)	- Định kỳ năm, trước ngày 10/12 (sơ bộ), trước ngày 10/3 năm sau năm báo cáo (chính thức)	Sở Xây dựng
		Số liệu về xử lý chất thải rắn và nước thải đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (cho biểu số 11/BCĐP)	- Định kỳ 6 tháng, trước ngày 10/6; - Định kỳ năm, trước ngày 10/12 (sơ bộ), trước ngày 10/3 năm sau năm báo cáo (chính thức)	
5	Các đơn vị cấp nước, thoát nước:	Số liệu về cấp, thoát nước, chất thải rắn tại đô thị (cho biểu 10/BCĐP)	- Định kỳ 6 tháng, trước ngày 05/6; - Định kỳ năm, trước ngày 05/12 (sơ	UBND cấp huyện.

CÔNG BÁO Số 18-19 Ngày 01/09/2013

	công ty môi trường đô thị.		bộ), trước ngày 05/3 năm sau năm báo cáo (chính thức)	
6	Các sản giao dịch bất động sản, cơ quan có liên quan.	Số lượng sản giao dịch bất động sản; số liệu liên quan đến bất động sản (cho biểu số 14 BCDP, 15 BCDP, 16 BCDP)	- Định kỳ 6 tháng, trước ngày 10/6; - Định kỳ năm, trước ngày 10/12 (sơ bộ), trước ngày 10/3 năm sau năm báo cáo (chính thức)	Sở Xây dựng
7	Các đơn vị khai thác và sản xuất VLXD	Công suất thiết kế và sản lượng (sản xuất và tiêu thụ) một số sản phẩm chủ yếu (cho biểu 17 BCDP)	- Định kỳ 6 tháng, trước ngày 05/6; - Định kỳ năm, trước ngày 05/12 (sơ bộ), trước ngày 05/3 năm sau năm báo cáo (chính thức)	UBND cấp huyện.
8	Chủ đầu tư (tổ chức, cá nhân) thực hiện dự án nhà ở	Tổng số nhà ở và tổng diện tích nhà ở (biểu 12 BCDP, 13a BCDP, 13b BCDP)	- Định kỳ năm, trước ngày 05/12 (sơ bộ), trước ngày 05/3 năm sau năm báo cáo (chính thức)	UBND cấp xã; UBND cấp huyện.
II. Tình hình hoạt động xây dựng trên địa bàn				
1. Các cơ quan, tổ chức cung cấp thông tin, số liệu				
a)	Sở kế hoạch và đầu tư	Số liệu tổng hợp 6 tháng, năm về tình hình thực hiện kế hoạch ĐTXD công trình (theo số liệu báo cáo tại Thông tư 05/2007/TT-BKH ngày 9/8/2007)	- Định kỳ 6 tháng, trước ngày 20/6 - Định kỳ năm, trước 10/03 của năm sau năm báo cáo	Sở Xây dựng
b)	Sở tài chính	Số liệu tình hình quyết toán dự án hoàn thành thuộc địa phương quản lý (theo số liệu báo cáo tại Thông tư số 19/2011/TT- BTC ngày 14/2/2011)	Định kỳ năm trước 10/03 của năm sau năm báo cáo.	Sở Xây dựng
2. Các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng báo cáo theo quy định của pháp luật				
a)	Nhà thầu nước ngoài	Báo cáo theo phụ lục 09 TT 01/2012/TT-BXD ngày 8/5/2012 (cho biểu số 18 BCXD)	20 tháng 6 và tháng 12 hàng năm	Cơ quan cấp giấy phép thầu và Sở Xây dựng
b)	Phòng thí nghiệm chuyên ngành L.A.S-	Thông báo bằng văn bản về cơ sở quản lý phòng thí nghiệm được công nhận và bản sao quyết định	Trước khi tiến hành hoạt động	Sở Xây dựng ; UBND cấp huyện.

CÔNG BÁO Số 18-19 Ngày 01/09/2013

	XD	công nhân.		
c)	Chủ đầu tư	- Báo cáo về công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng và chất lượng công trình xây dựng theo biểu số 20b BCXD ;	Định kỳ năm, trước ngày 05/12 và khi hoàn thành đưa công trình xây dựng vào sử dụng.	Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành; UBND cấp huyện.
		Thông báo khởi công xây dựng công trình theo biểu số 22 BCXD	Trước khi khởi công (đóng thầu) xây dựng 7 ngày làm việc	Cơ quan cấp giấy phép XD; UBND cấp xã nơi khởi công
		Giấy chứng nhận an toàn chịu lực, chứng nhận chất lượng phù hợp	Trước khi đưa công trình vào sử dụng	Sở quản lý công trình XD chuyên ngành; UBND cấp huyện.
		Báo cáo hoàn thành công trình hoặc hạng mục công trình theo biểu mẫu số 25a BCXD, đối với các công trình thuộc diện cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng thẩm tra thiết kế (tại khoản 1 Điều 21 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013 của Chính phủ)	Trước 10 ngày làm việc (đối với cấp II,III và IV) hoặc 20 ngày làm việc (đối với cấp đặc biệt, cấp I) so với ngày dự kiến nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng.	Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành; UBND cấp huyện.
		Báo cáo tóm tắt sự cố ngay cho UBND xã nơi xảy ra sự cố, cấp trên trực tiếp ; và Báo cáo bằng Văn bản theo biểu số 25b BCXD	Gửi văn bản (biểu số 25b BCXD) trong vòng 24 giờ kể từ khi xảy ra sự cố	UBND cấp huyện; Sở quản lý công trình XD chuyên ngành.
d)	Chủ sở hữu, đơn vị quản lý sử dụng công trình	Báo cáo định kỳ về công tác bảo trì theo biểu số 21b BCXD	Định kỳ năm, trước ngày 05/12	Sở quản lý chuyên ngành có liên quan đến loại, tính chất công trình.
		Báo cáo kết quả kiểm tra, kiểm định, đánh giá chất lượng công trình, kết quả sửa chữa công trình (nếu có) đối với công trình từ cấp II trở lên và các công trình khi xảy ra sự cố có thể gây thảm họa .	Khi công trình hết tuổi thọ thiết kế nếu có nhu cầu tiếp tục sử dụng	
		Báo cáo xử lý đối với công trình có biểu hiện xuống cấp về chất lượng, không đảm bảo an toàn cho việc khai thác, sử dụng, đối với công trình từ cấp II trở lên và các công trình khi xảy ra sự cố có	Khi công trình có biểu hiện xuống cấp về chất lượng, không đảm bảo an toàn cho việc khai thác, sử dụng	

CÔNG BÁO Số 18-19 Ngày 01/09/2013

		thể gây thảm họa		
d)	Tổ chức, cá nhân khác	Đăng ký công khai năng lực của các tổ chức, cá nhân hoạt động xây dựng công trình theo biểu 24 BCXD	Khi tham gia hoạt động xây dựng trên địa bàn	Sở Xây dựng;
		Nhà thầu thi công xây dựng Báo cáo sự cố về an toàn lao động, tai nạn lao động trên công trường	Khi có sự cố về an toàn lao động, tai nạn lao động trên công trường	Chủ đầu tư, UBND cấp huyện.
		Báo cáo nhà thầu vi phạm về hoạt động xây dựng và quản lý chất lượng trên địa bàn	Khi phát hiện hành vi vi phạm	Chủ đầu tư, Các cơ quan quản lý nhà nước về XD